



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ



THÔNG TIN LIÊN HỆ



SỐ 5 VÕ THỊ SÁU, PHƯỜNG TÂN AN
QUẬN NINH KIỂU, TP. CẦN THƠ, VIỆT NAM



(0292) 3811 583



CPDOTHICANTHO@GMAIL.COM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



I

THÔNG TIN CHUNG

-  THÔNG TIN KHÁI QUÁT
-  QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
-  THÀNH TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG
-  NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
-  MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC
-  ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
-  CÁC RỦI RO





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Tên viết tắt : **CPĐT**

Giấy chứng nhận ĐKDN : số **1800271113** do Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày **26/08/2010** và đăng ký thay đổi lần thứ **3** ngày **06/05/2020**

Vốn điều lệ : **54.249.000.000** đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : **54.249.000.000** đồng

Địa chỉ : **Số 5 Võ Thị Sáu, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**

Điện thoại : **(0292) 3811 583**

Số fax : **(0292) 3811 583**

Website : **Congtrinhdothicantho.vn**

Email : **cpdothicantho@gmail.com**

Mã cổ phiếu : **UCT**

Sàn chứng khoán : **UPCoM**





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH - PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ là một trong những công ty có bề dày kinh nghiệm nhất trong lĩnh vực môi trường tại thành phố Cần Thơ. Với tiền thân là một đơn vị hành chính sự nghiệp được thành lập theo Quyết định số 65.QĐ.TC.TP90 ngày 29/11/1990 của UBND thành phố Cần Thơ. Sau hơn 22 năm hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã có một bước chuyển mình quan trọng khi chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ Nhà nước sang Công ty Cổ phần và chính thức hoạt động vào ngày 03/07/2015. Sau 4 năm chuyển đổi mô hình, Công ty đã đạt những thành công nhất định trong lĩnh vực hoạt động của mình. Bằng chứng là có lợi thế hơn hẳn khi xét về bề dày kinh nghiệm cũng như quy mô với các Công ty cùng lĩnh vực hoạt động. Những cột mốc quan trọng ghi dấu chặng đường nỗ lực vươn tầm phát triển của UCT như sau:



1990

Công ty Công trình đô thị thành phố Cần Thơ được thành lập với tiền thân là một đơn vị hành chính sự nghiệp theo Quyết định số 65.QĐ.TC.TP90 ngày 29/11/1990 của UBND thành phố Cần Thơ (cũ), trên cơ sở sáp nhập Công ty vệ sinh và mai táng, Công ty chiếu sáng công cộng, Bộ phận duy tu bảo dưỡng cầu đường và Đội công viên cây xanh.

1994

UBND tỉnh Cần Thơ (cũ) thành lập Doanh nghiệp Nhà nước Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ thành Doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 300/QĐ.UBT. 94 ngày 05/02/1994 với vốn kinh doanh là: 682.000.000 đồng.

2001

UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 2581/QĐ-CT-YB về việc chuyển giao Công ty trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Cần Thơ, đồng thời hình thành Đội Công trình đô thị tại các huyện trực thuộc Công ty.

2007

Công ty Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 20.170.522.565 đồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty nhà nước số 5706000011 đăng ký lần đầu ngày 19/04/2007, đăng ký thay đổi lần 8 và cấp lại lần 4 ngày 10/12/2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

2008

Công ty Công trình đô thị thành phố Cần Thơ được tái chuyển giao về Sở Xây Dựng thành phố Cần Thơ quản lý.

2010

Ngày 02/7/2010, UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 1741/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án, Điều lệ và chuyển Công ty Công trình đô thị thành phố Cần Thơ thành Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ. Vốn điều lệ được phê duyệt là: 60.264.015.048 đồng.





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH - PHÁT TRIỂN

2011

Công ty được UBND thành phố Cần Thơ thay đổi vốn điều lệ theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB, vốn điều lệ được phê duyệt là 12.662.684.969 đồng. Ngoài ra, Công ty được chuyển giao từ Sở Xây dựng TP. cần Thơ về Sở Giao thông - Công chính thành phố Cần Thơ và thành lập 5 xí nghiệp phụ thuộc gồm: Xí nghiệp môi trường đô thị, Xí nghiệp Công viên cây xanh, Xí nghiệp CSCC, Xí nghiệp Vận tải hành khách công cộng, Xí nghiệp sửa chữa ô tô và sản xuất xe chuyên dùng.

2013

Ngày 10/02/2011, UBND Thành phố Cần Thơ ban hành quyết định số 318/QĐ-UBND, về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động (thay thế Điều lệ cũ) Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ.

2014

UBND thành phố Cần Thơ ra Quyết định số 1581/QĐ-UB-ND về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tp Cần Thơ; Ngày 26/9/2014, ra Quyết định số 2723/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

2015

Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp: 1800271113, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 03/07/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

2016

Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ đã được ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 3084/UB-CK-GSĐC. Ngày 15/09/2016, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 100/2016/GCNCP-VSD, với tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 5.344.345 cổ phiếu.

2018

Sau 4 năm chuyển đổi mô hình, Công ty vẫn tiếp tục phấn đấu hoạt động và đạt được những thành quả nhất định bởi có nhiều lợi thế về bề dày kinh nghiệm cũng như quy mô so với các Công ty trong cùng lĩnh vực

2019

Thực hiện Quyết định số 1232/2017/QĐ-TT ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017 - 2020; Công văn số 3901/UBND-KT ngày 11/10/2017 của UBND thành phố Cần Thơ, về lộ trình thoái vốn nhà nước giai đoạn 2017 - 2020; Công văn số 896/UBND-KT ngày 25/3/2019 của của UBND thành phố Cần Thơ về việc thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ. Trong năm 2019 đã hoàn thành công tác thoái vốn nhà nước, tỷ lệ vốn nhà nước đầu tư tại Công ty còn lại là 51% vốn điều lệ.





THÀNH TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG



TẬP THỂ

- Năm 2010** Bảng khen Bộ Xây dựng, bảng khen Bộ Công Thương.
- Năm 2009** Huân chương lao động hạng I
Cúp vàng và Bảng khen Bộ Tài nguyên - Môi trường.
- Năm 2005** 1 Bảng khen của Bộ Công an.
- Năm 2002** Huân chương Lao động hạng II.
- Năm 1996** Huân chương Lao động hạng III.
- Năm 1992, 1993, 2000** 3 bảng khen của Bộ Xây dựng (Năm 1992, 1993, 2000) trong đó có một bảng khen thời kỳ đổi mới 1996 - 2000.
- Năm 1992, 1993, 1995** 3 bảng khen của Thủ tướng Chính phủ.



CÁ NHÂN

- 18 huy chương vì sự nghiệp Công đoàn.
- 25 huy chương vì sự nghiệp xây dựng.
- 01 CSTĐ toàn quốc (năm 2002).
- 28 CSTĐ cấp Tỉnh, 258 CSTĐ cơ sở, 2.317 bằng khen của các cấp, 1.266 giấy khen của các cấp, 04 bằng lao động sáng tạo ...
- 20 cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Công an. Hội môi trường Đô thị Việt Nam, UBND Tỉnh - Thành phố Cần Thơ ...
- 52 bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động, UBND Tỉnh - Thành phố Cần Thơ, Liên đoàn Lao động Tỉnh - Thành phố Cần Thơ ...
- 60 tập thể lao động xuất sắc.
- 111 tập thể lao động tiên tiến.
- Đảng bộ Công ty nhiều năm liền đạt trong sạch vững mạnh.
- Các đoàn thể của đơn vị (Công đoàn, HỘI CCB, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Nữ công, Chữ thập đỏ ...) nhiều năm liền được trên cộng nhận vững mạnh.



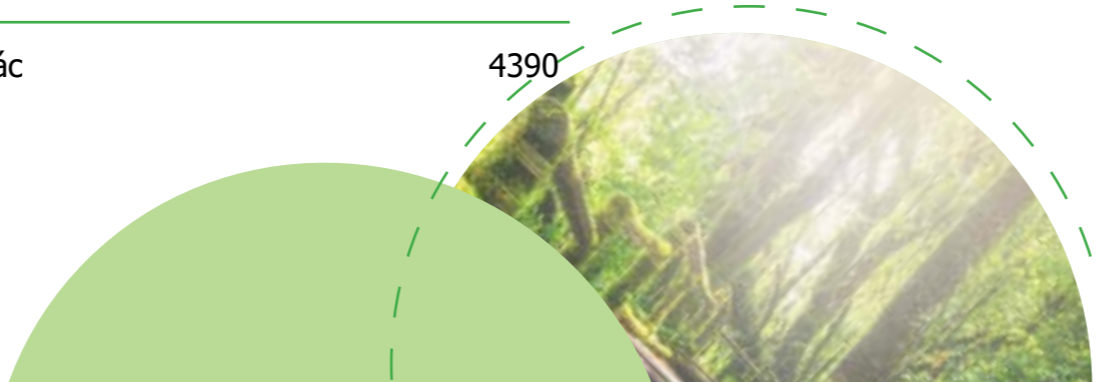


NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề

STT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Trồng cây hàng năm khác	119
2	Trồng cây ăn quả	121
3	Trồng cây lâu năm khác	129
4	Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp	130
5	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	161
6	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
7	Tái chế phế liệu	3830
8	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
9	Xây dựng nhà các loại	4100
10	Xây dựng công trình công ích	4220
11	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
12	Phá dỡ	4311
13	Chuẩn bị mặt bằng	4312
14	Lắp đặt hệ thống điện	4312
15	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
16	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
17	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
18	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

19	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
20	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
21	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
22	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
23	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
24	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
25	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
26	Bốc xếp hàng hóa	5224
27	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
28	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
29	Cho thuê xe có động cơ	7710
30	Cung ứng lao động tạm thời	7820
31	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
32	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
33	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
34	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
35	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
36	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
37	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
38	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
39	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
40	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	118
41	Thu gom rác thải không độc hại	3811 (chính)
42	Thu gom rác thải độc hại	3812





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề

Hoạt động chính của Công ty

Trên cơ sở ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ hiện đang hoạt động chủ yếu ở các lĩnh vực sau:

- Quét dọn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải thông thường;
- Duy tu, chăm sóc bảo dưỡng cây xanh, hoa kiểng;
- Sửa chữa, bảo dưỡng, duy tu hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông;
- Tư vấn thiết kế và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ đô thị;
- Cung cấp các thiết bị: Môi trường, cây xanh, chiếu sáng.

Hoạt động thu gom xử lý rác thải

Hiện nay, thu gom vận chuyển các loại rác sinh hoạt, rác kinh doanh của thành phố Cần Thơ đều do Công ty thực hiện. Cùng với sự phát triển của các khu đô thị, sự phát triển các khu dân cư nên khối lượng rác thu gom, vận chuyển ngày càng nhiều. Vì vậy Công ty chú trọng đến việc nâng cấp trang bị các phương tiện vận tải máy móc, loại dẫn và thay thế các phương tiện, máy móc, thiết bị có thời gian sử dụng lâu và đầu tư mới vừa giúp nâng cao năng lực hoạt động vừa đảm bảo đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Hiện nay, hoạt động xử lý rác thải Công ty đang thực hiện thông qua việc thuê các đơn vị khác thực hiện.



Chăm sóc và duy tu cảnh quan

Công ty thực hiện hoạt động trồng, chăm sóc, cắt tỉa, quản lý và bảo vệ cây xanh trên địa bàn thành phố Cần Thơ áp dụng đúng chủng loại, đúng quy trình kỹ thuật; chăm sóc công viên, vườn hoa, thảm cỏ tại dải phân cách, đài tưởng niệm, quảng trường; chăm sóc cây bóng mát, cây trang trí, dây leo trồng trên hè phố, dải phân cách, đảo giao thông nhằm góp phần tôn tạo vẻ đẹp cảnh quan đô thị, phù hợp với quy hoạch kiến trúc của thành phố.

Hoạt động chiếu sáng công cộng

Ngoài hoạt động thu gom xử lý rác thải, Công ty còn thực hiện công tác quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng, thi công lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Việc tổ chức chiếu sáng đô thị phải đảm bảo các chức năng chiếu sáng cho các hoạt động của đô thị về ban đêm, góp phần tôn tạo diện mạo, mỹ quan đô thị. Các loại hình chiếu sáng hiện nay Công ty đang đảm trách là chiếu sáng công cộng, chiếu sáng giao thông. Toàn bộ số lượng đèn chiếu sáng được hoạt động theo cơ chế tắt mở tự động. Thời gian bật - tắt hệ thống chiếu sáng sẽ được điều chỉnh tùy theo mùa trong năm cho phù hợp độ sáng của hệ thống đường giao thông. Trong những năm qua nhằm thực hiện chủ trương tiết kiệm và bảo vệ môi trường, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp đạt hiệu quả. Các biện pháp này đã phát huy tác dụng giúp ngân sách nhà nước tiết giảm chi phí đáng kể.

Địa bàn kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động liên quan đến môi trường là lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty. Công ty thực hiện cung cấp dịch vụ đến tất cả các khách hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Với mục tiêu phát triển toàn diện, UCT đang nỗ lực không ngừng đảm bảo giữ vững thị phần tại Thành phố Cần Thơ cũng như mở rộng địa bàn kinh doanh sang các vùng lân cận.





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ - CƠ CẤU TỔ CHỨC

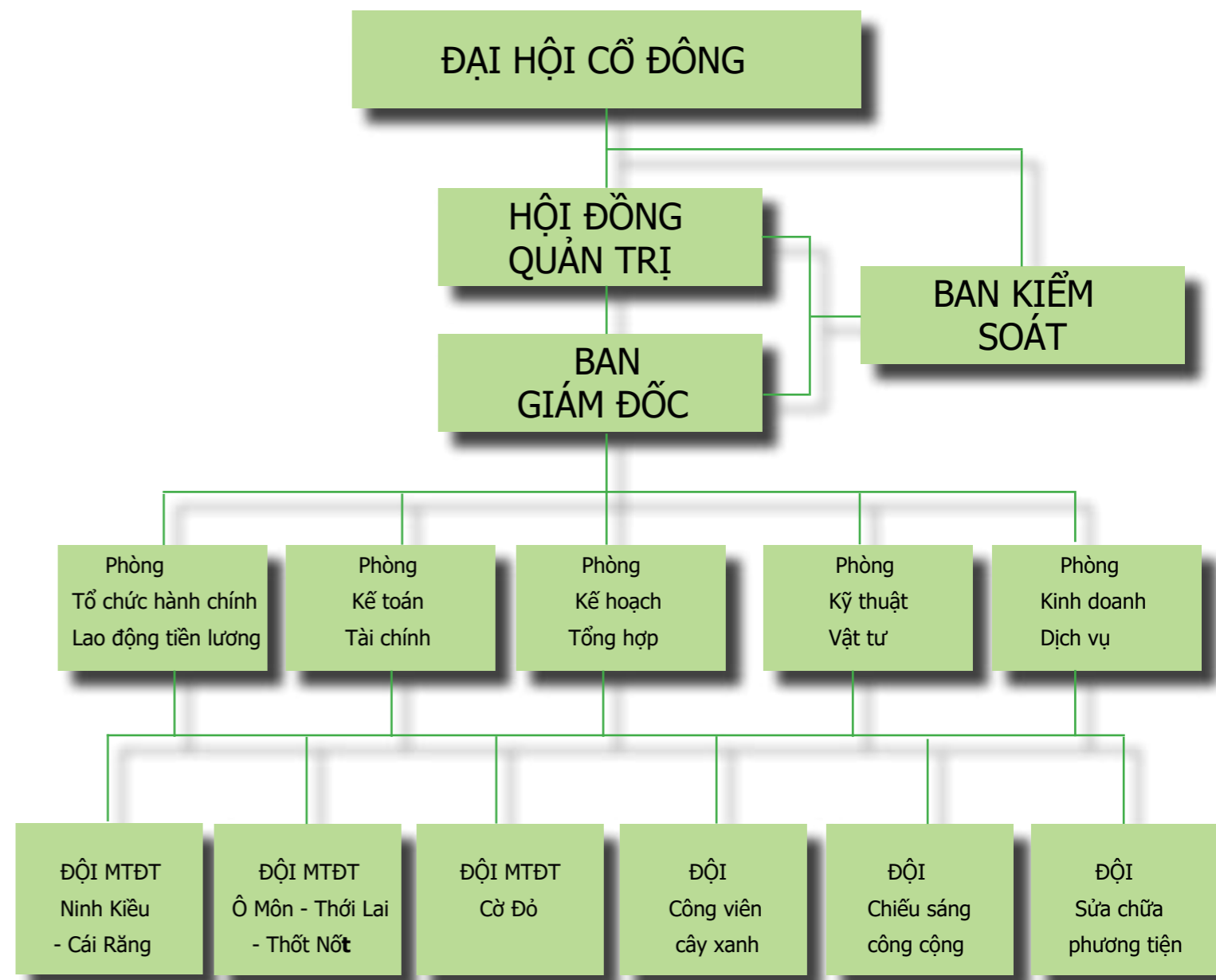
Mô hình quản trị

UCT được điều hành và quản lý theo mô hình quản trị bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị (5 thành viên);
- Ban kiểm soát (3 thành viên);
- Ban Giám đốc (3 thành viên)
- Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ: 05 phòng nghiệp vụ và 06 Đội trực thuộc (04 Đội môi trường đô thị: Ninh Kiều, Ô Môn, Cờ Đỏ; 01 Đội Công viên Cây xanh; 01 Đội Chiếu sáng công cộng; 01 Đội Sửa chữa phương tiện cơ giới).



Sơ đồ tổ chức





ĐỊNH HƯỚNG - PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Nâng cao chất lượng hiệu quả sử dụng nguồn vốn Nhà nước tại Công ty, đổi mới quản trị, thu hút thêm nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài đồng thời thúc đẩy đa dạng hóa cơ cấu nguồn vốn nhằm bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh; nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh giúp Công ty có thêm lợi thế cạnh tranh trong môi trường hội nhập quốc tế; đảm bảo khả năng phát triển ổn định và bền vững, các chỉ tiêu tài chính năm sau cao hơn năm trước; nâng cao đời sống và mức thu nhập của người lao động, đảm bảo mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông. Tập trung phát triển các hoạt động chăm sóc khách hàng, cải thiện chất lượng dịch vụ, nâng cao uy tín của Công ty, hướng đến mở rộng địa bàn kinh doanh. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông đề ra hàng năm.



Mục tiêu cụ thể

Xây dựng kế hoạch trung, dài hạn, mang tính định hướng theo mục tiêu tập trung vào ngành nghề chính, cốt lõi là hoạt động công ích của công ty: Vệ sinh đô thị; Chăm sóc duy tu, bảo dưỡng công viên – cây xanh; Chiếu sáng công cộng và đèn tín hiệu giao thông, các loại hình dịch vụ khác;...

Tâm nhìn

Xây dựng Công ty trở thành một Công ty chủ lực của Thành phố trong lĩnh vực Vệ sinh môi trường, Công viên cây xanh và Chiếu sáng.

Sứ mệnh

Trách nhiệm của Công ty là góp phần làm giảm sự ô nhiễm môi trường, làm đẹp vẻ mỹ quan đô thị, bảo vệ môi trường là mục tiêu trọng điểm của cộng đồng hiện nay. Trách nhiệm của Công ty là phải góp phần chung tay xây dựng Thành phố Cần Thơ "Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp" bảo vệ và giữ gìn sức khỏe người dân, đảm bảo lợi ích của cộng đồng và nền kinh tế đang phát triển của Thành phố.

Cam kết của Công ty

Hơn 20 năm hoạt động lĩnh vực công ích là đơn vị Nhà nước trong nhiều năm qua, để đáp ứng sự tin tưởng của người dân đã tin dùng dịch vụ, Công ty cam kết phục vụ một cách tốt nhất, hiệu quả nhất. Bên cạnh việc đề ra những chiến lược và kế hoạch kinh doanh, Công ty còn thể hiện trách nhiệm với cộng đồng thông qua việc chung tay bảo vệ môi trường bằng các hoạt động thiết thực.





CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Những biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

Năm 2020 là một năm chứng kiến nhiều sự biến động trong nền kinh tế thế giới. Tăng trưởng kinh tế chung đã chậm lại do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung chưa đi đến hồi kết. Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm lại với chỉ số tăng trưởng GDP chỉ dừng ở mức 2,91% so với con số 7,02% năm 2019. Tuy nhiên so với mặt bằng chung trên toàn thế giới, con số tăng trưởng 2,91% của Việt Nam vẫn đáng ghi nhận, bởi nhiều nền kinh tế lớn đối mặt với nguy cơ suy thoái (GDP toàn cầu giảm khoảng 4,4%, trong khi Mỹ giảm 4,3%, theo Ngân hàng Thế giới). Chỉ số lạm phát và chỉ số giá tiêu dùng (CPI) vẫn được kiểm soát tốt, duy trì ở mức dưới 4%. Nền kinh tế phát triển luôn mang theo những điều tích cực về đời sống xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, tuy nhiên bên cạnh đó kéo theo những vấn đề về ô nhiễm môi trường cũng gia tăng nhanh chóng cùng với tốc độ đô thị hóa sẽ vừa là một cơ hội cũng vừa là một thách thức đối với tất cả các doanh nghiệp, Công ty nói chung và đặc biệt đối với những công ty cung cấp dịch vụ công cộng liên quan đến lĩnh vực môi trường đô thị như Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.

Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ hoạt động và chịu sự ảnh hưởng từ hệ thống Luật và văn bản dưới luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Thuế, Luật bảo vệ môi trường,... Vì vậy Công ty luôn chấp hành đúng theo những quy định pháp luật, để hạn chế tối đa việc ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, uy tín doanh nghiệp cũng như các vấn đề pháp lý liên quan. Bên cạnh đó, Chính phủ hiện đang nỗ lực trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, các chính sách kinh tế, cũng như các sửa đổi, cải cách trong thời gian tới. Vì vậy, Công ty thường xuyên cập nhật và linh hoạt thích nghi để nhận diện các mối nguy hiểm ẩn và kịp thời tìm ra hướng giải quyết tốt nhất khi có rủi ro xảy ra.



Rủi ro môi trường

Môi trường xanh – sạch – đẹp là tiêu chí quan trọng trong phương hướng và chiến lược xây dựng xã hội văn minh, cuộc sống xanh.

Cùng với quá trình phát triển kinh tế, tình trạng ô nhiễm môi trường và sự cố môi trường ngày càng gia tăng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế nước ta trong trung và dài hạn.

Vấn đề bảo vệ môi trường hàng năm luôn được các cơ quan Trung ương, các Bộ, các Ban ngành thường xuyên quan tâm và có hướng chỉ đạo tới các địa phương, doanh nghiệp trong ngành nâng cao ý thức giữ gìn và cải tạo môi trường nên cơ hội để các doanh nghiệp trong ngành môi trường phát triển các dịch vụ của mình là rất lớn.

Áp lực từ biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng trên toàn thế giới đòi hỏi Công ty cần có những chính sách kế hoạch, chiến lược phát triển hợp lý để có thể đảm bảo vừa cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đồng thời góp phần làm giảm sự ô nhiễm tác động lên biến đổi khí hậu.

Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác nhau như biến động giá cả nguyên vật liệu, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn,... Cụ thể năm 2020, dịch bệnh Covid-19 tác động mạnh đến tình hình hoạt động của Công ty. Những rủi ro này mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng không thể xem nhẹ nó, nếu xảy ra sẽ tác động gián tiếp hoặc trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy Ban lãnh đạo phải thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt các tuyên truyền, linh động trong việc điều chỉnh chính sách hoạt động, điều hành công việc một cách tối ưu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra của các rủi ro này.



II

TỔ CHỨC NHÂN SỰ



BAN ĐIỀU HÀNH



BAN KIỂM SOÁT



NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG





BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Thanh Phong	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/01/2021
2	Nguyễn Thạch Em	Phó giám đốc	
3	Ông Nguyễn Phúc Như	Phó giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/10/2020
3	Ông Trịnh Quang Khánh	Phó giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/10/2020
4	Ông Lê Thanh Hiếu	Kế toán trưởng	



Lý lịch Ban điều hành

ÔNG NGUYỄN THẠCH EM PHÓ GIÁM ĐỐC

Chức vụ	Phó Giám đốc
Năm sinh	15/02/1973
Nơi sinh	Hậu Giang
Quê quán	Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế Tài chính-Ngân Hàng
Quá trình công tác:	
2000 – 2002	Nhân viên Phòng Kinh doanh – Kỹ thuật Công ty CTĐT Thành phố Cần Thơ.
2002 – 2008	Nhân viên Phòng Kế toán Công ty CTĐT Cần Thơ.
2008 – 2010	Phó phòng Kế toán Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
2010 – 2012	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ.
2013 – 6/2015	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ.
7/2015 đến nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.





BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

ÔNG NGUYỄN PHÚC NHƯ PHÓ GIÁM ĐỐC

Chức vụ	Phó Giám đốc
Năm sinh	30/10/1980
Nơi sinh	Hậu Giang
Quê quán	Hậu Giang
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ chuyên ngành môi trường

Quá trình công tác:

2003 - 2007	Nhân viên Kế hoạch Đội CTĐT quận Cái Răng trực thuộc Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
2007 - 2008	Nhân viên Phòng Kinh doanh - Kỹ thuật Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
2008 - 2009	Chuyên viên Phòng Kinh doanh - Kỹ thuật Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
2009 - 2010	Phó phòng Kinh doanh - Kỹ thuật Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
2010 - 2013	Phó phòng Kỹ thuật vật tư Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ.
2013 - 6/2015	Phó phòng Kinh doanh - Kỹ thuật vật tư tổng hợp Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ.
Từ 7/2015 đến nay	Trưởng phòng Kỹ thuật vật tư Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.

ÔNG TRỊNH QUANG KHÁNH PHÓ GIÁM ĐỐC

Chức vụ	Phó Giám đốc
Năm sinh	1984
Nơi sinh	
Quê quán	
Trình độ chuyên môn	Đại học Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

2006 - 2007	Công tác tại Công ty tuyển dụng nhân sự ThaoVie-cLtd. Tại TP Hồ Chí Minh
2008 - 2018	Công tác tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hồng Phát - CT Cần Thơ
Từ năm 2006 đến nay	Thành viên HĐQT Quỹ Tín Dụng Tín Nghĩa - TP Cần Thơ.
Từ năm 2015 đến nay	Thành viên HĐQT Cty CP Kiểm định Xây dựng 579 - TP Cần Thơ.





BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

ÔNG LÊ THANH HIẾU KẾ TOÁN TRƯỞNG

Chức vụ	Kế toán trưởng
Năm sinh	5/9/1971
Nơi sinh	Yên Bái
Quê quán	Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán doanh nghiệp

Quá trình công tác:

02/1992 – 10/2003	Nhân viên Xưởng cơ khí, Công ty SC Xây dựng Công trình CKGT 721.
11/2003 – 03/2007	Nhân viên Phòng Kế toán, Công ty SC Xây dựng Công trình CKGT 721
04/2007 – 10/2010	Nhân viên Phòng Kế toán, Công ty công trình Đô thị TP Cần Thơ.
11/2010 – 12/2012	Phó trưởng phòng Kế Toán, Công ty TNHH MTV CTĐT TP Cần Thơ.
01/2013 – 06/2015	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV CT Thành phố Cần Thơ.
Từ 07/2015 đến nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lưu Việt Chiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm 26/06/2015
2	Trần Thanh Phong	Thành viên Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm 26/06/2015
3	Lê Thanh Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm 26/06/2015
4	Võ Văn Được	Thành viên Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm 26/06/2015
5	Nguyễn Phúc Như	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó GD	Bổ nhiệm 26/06/2015

Ông Lê Thanh Hiếu - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng (xem thông tin ở mục sơ yếu lý lịch Ban Điều hành công ty).

Ông Nguyễn Phúc Như - Thành viên Hội đồng quản trị (xem thông tin ở mục sơ yếu lý lịch Ban Điều hành công ty).



Lý lịch Hội đồng quản trị

ÔNG LƯU VIỆT CHIẾN CHỦ TỊCH HĐQT

Chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm sinh 26/12/1970

Nơi sinh Sóc Trăng

Quê quán Sóc Trăng

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác:

12/1988 – 1989	Kế toán kho, Kế toán tổng hợp Xí nghiệp Chế biến lương thực, thực phẩm huyện Long Phú, Hậu Giang.
1989 – 1992	Kế toán Ngân sách, tài vụ của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hậu Giang.
1992 – 2006	Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán Công ty Dược Sóc Trăng.
2007 – 5/2009	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Sóc Trăng.
6/2009 – 10/2010	Phó Giám đốc Công ty Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ.
10/2010 – 10/2014	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ.
11/2014 – 6/2015	Chủ tịch Công ty TNHH MTV CTĐT Thành phố Cần Thơ.
Từ 7/2015 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG VÕ VĂN ĐƯỢC THÀNH VIÊN HĐQT

Chức vụ	Thành viên Hội đồng Quản trị
Năm sinh	30/01/1967
Nơi sinh	Tân An, Phong Dinh
Quê quán	Vĩnh Long
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Chức vụ hiện nay	Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.

Quá trình công tác:

1987- 1988	Cán bộ kỹ thuật Ban Nông - Lâm - Ngư nghiệp thành phố Cần Thơ.
1988 - 1990	Cán bộ kỹ thuật, Trạm Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp TP Cần Thơ.
1990 - 1992	Cán bộ kỹ thuật, Công ty Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp TP Cần Thơ.
1992 – 1999	Cán bộ kỹ thuật Đội Công viên cây xanh công ty CTĐT TP Cần Thơ.
1999 – 2009	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
09/2009 -2010	Phó Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
12/2010-06/2015	Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH MTV CTĐT Thành phố Cần Thơ.
7/2015 đến nay	Trưởng phòng Tổ chức hành chính – Lao động tiền lương Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.





BAN KIỂM SOÁT

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đặng Minh Khiết	Trưởng Ban kiểm soát	
2	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên Ban kiểm soát	
3	Nguyễn Thị Thúy Vy	Thành viên Ban kiểm soát	



Lý lịch Ban kiểm soát

ÔNG ĐẶNG MINH KHIẾT TRƯỞNG BAN BKS

Chức vụ	Trưởng Ban Kiểm soát
Năm sinh	30/10/1980
Nơi sinh	Cần Thơ
Quê quán	Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán Doanh nghiệp
Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công Cổ phần Đô thị Cần Thơ
Quá trình công tác:	
1986 – 1990	Kế toán Xí nghiệp Da Thành phố Cần Thơ.
12/1990 – 12/2000	Kế toán Công ty CTĐT thành phố Cần Thơ.
01/2001 – 4/2007	Phó phòng Kế toán Công ty CTĐT thành phố Cần Thơ.
5/2007 – 12/2007	Q. Kế toán trưởng Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
01/2008 – 2010	Kế toán trưởng Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
8/2010 – 6/2015	Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.
Từ 7/2015 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.





BAN KIỂM SOÁT

BÀ NGUYỄN THỊ THÚY VY THÀNH VIÊN BKS

Chức vụ	Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh	1/1/1978
Nơi sinh	Cần Thơ
Quê quán	Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Khoa học Môi trường
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.
Quá trình công tác:	
9/2000 – 2007	Nhân viên Đội Kiểm tra, Công ty CTĐT Thành phố Cần Thơ.
2007 – 2008	Cán bộ Phòng Kinh doanh – Kỹ thuật, Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
2008 - 2010	Chuyên viên Phòng Kinh doanh – Kỹ thuật, Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
2010 – 2012	Chuyên viên Phòng Kinh doanh Công ty CTĐT Thành phố Cần Thơ.
2012 – 2013	Phụ trách Kế hoạch Xí nghiệp MTĐT, Công ty TNHH MTV CTĐT Thành phố Cần Thơ.
2014 – 6/2015	CBKT Phòng Kinh doanh – Kỹ thuật Vật tư Tổng hợp, Công ty TNHH MTV CTĐT Thành phố Cần Thơ.
7/2015 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.

ÔNG NGUYỄN QUỐC CƯỜNG THÀNH VIÊN BKS

Chức vụ	Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh	11/9/1980
Nơi sinh	Vĩnh Long
Thường trú	Vĩnh Long
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chuyên ngành cơ khí
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát, Đội trưởng Đội SCPTCG, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ
Quá trình công tác:	
2004 – 2006	Thợ sửa chữa, Xí nghiệp Sửa Chữa thuộc Công ty CTĐT Thành phố Cần Thơ.
2010 – 2012	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Vật tư, Công ty TNHH MTV Thành phố Cần Thơ.
2012 – 2013	Đội trưởng Đội Vận chuyển thuộc Xí nghiệp MTĐT Công ty TNHH MTV CTĐT Thành phố Cần Thơ.
2013 – 6/2015	Đội trưởng Đội Vận chuyển thuộc Xí nghiệp MTĐT Công ty TNHH MTV CTĐT Thành phố Cần Thơ.
Từ 7/2015 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát, Đội trưởng Đội SCPTCG, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.





TÌNH HÌNH NHÂN SỰ & CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

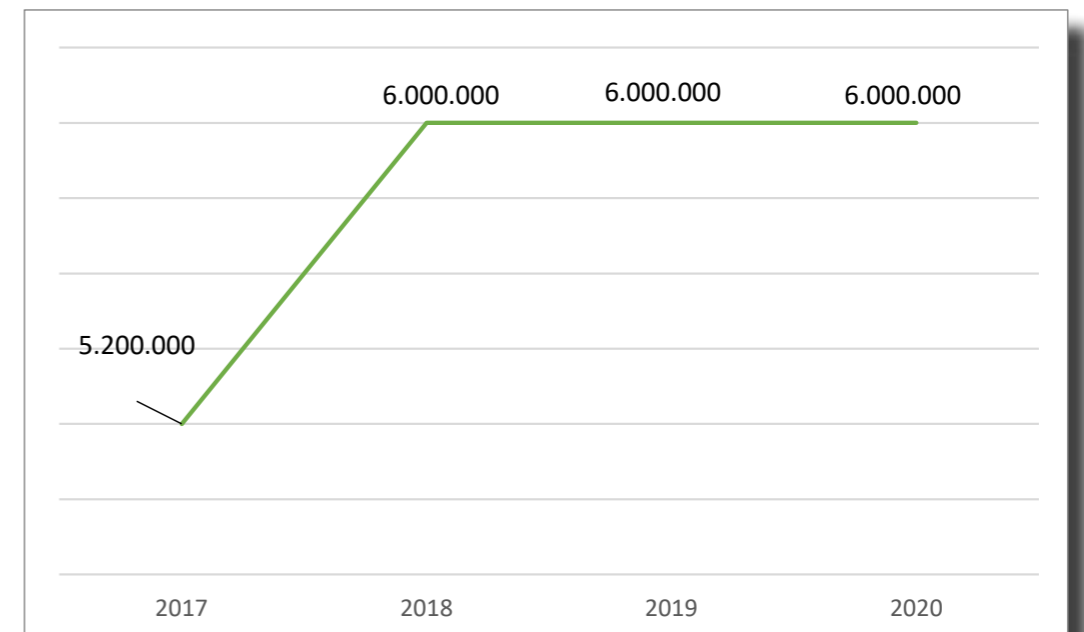
Tình hình nhân sự của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ đến ngày 31/12/2020

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ lao động	346	100%
1	Trình độ trên đại học	4	1%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	37	11%
3	Trình độ trung cấp	4	1%
4	Công nhân kỹ thuật	31	9%
5	Lao động phổ thông	270	78%
B	Theo loại hợp đồng lao động	346	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	264	76%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)		0%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	82	24%
C	Theo giới tính	346	100%
1	Nam	235	68%
2	Nữ	111	32%



Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm:

Năm	Thu nhập bình quân (đồng/tháng/người)	Tỷ lệ tăng trưởng(%)
2017	5.200.000	29,19%
2018	6.000.000	15,38%
2019	6.000.000	-
2020	6.000.000	-





TÌNH HÌNH NHÂN SỰ & CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách lương thưởng & chế độ phúc lợi

Chính sách lương, thưởng

Hoàn thiện cơ chế chính sách động viên, khuyến khích có hiệu quả đối với người lao động; Xây dựng cơ chế đánh giá, bổ nhiệm, đãi bộ khoa học, công khai, minh bạch tạo môi trường làm việc văn minh, thoải mái nhằm phát huy tối đa năng lực của từng cán bộ, nhân viên đồng thời duy trì phát triển được nguồn nhân lực hiện có và thu hút được nguồn nhân lực từ bên ngoài. Hàng năm, tiến hành bố trí, sắp xếp lao động một cách hợp lý.

Trên cơ sở mức lương tối thiểu vùng được Chính phủ quy định từng thời kỳ, Công ty thực hiện việc áp dụng, đảm bảo việc chi trả tiền lương cho người lao động phù hợp và đúng theo quy định đối với doanh nghiệp có sử dụng lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng với hệ số chức danh công việc theo thang lương, bảng lương, định mức lao động do Công ty xây dựng và báo cáo đến cơ quan chức năng có thẩm quyền. Thời hạn chi trả việc tạm ứng tiền lương: Hàng tháng Công ty thực hiện việc chi trả tiền lương 1 lần/ tháng, trong khoản thời gian từ ngày 01 đến ngày 15 của tháng liền kề theo quy chế tiền lương. Các hình thức trả lương: Công ty đang thực hiện trả lương cho người lao động bằng tiền mặt, hình thức chuyển khoản qua ngân hàng vào tài khoản ATM của từng người lao động.

Là một công ty phát triển mạnh về mảng dịch vụ, Công ty xem người lao động của mình là những tài sản quý giá nhất. Theo đó, Công ty nỗ lực xây dựng cơ chế chính sách về nhân sự linh động, chính sách phúc lợi ưu việt, môi trường làm việc năng động, sáng tạo nhằm tạo điều kiện phát triển cho tất cả CBCNV, cụ thể như sau:

Chính sách phúc lợi

Công ty luôn quan tâm, chăm sóc toàn diện đến người lao động từ vật chất đến tinh thần. Vào các dịp lễ Tết, ngoài việc cho cán bộ công nhân viên và người lao động được nghỉ đúng quy định, Công ty còn xây dựng và tổ chức các hoạt động du lịch, nghỉ mát nhằm tạo tinh thần đoàn kết và mối quan hệ, tạo điều kiện giao lưu văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao cho các cán bộ công nhân viên.

Chính sách đào tạo

Công ty xem kế hoạch đào tạo nhân sự là kế hoạch mang tính chiến lược, thông qua việc đào tạo bài bản về chuyên môn và kỹ năng mềm khác sẽ tạo ra giá trị lớn nhất cho chính nhân viên lẫn Công ty. Kế hoạch đào tạo của Công ty chú trọng khuyến khích nhân viên phát triển bản thân để đáp ứng những yêu cầu cho công việc, vị trí hiện tại, động viên người lao động nỗ lực cho những vị trí cao hơn trong tương lai. Tùy theo nhu cầu công việc, người lao động được đơn vị cử đi đào tạo ngắn hạn một số công tác nghiệp vụ chuyên môn phục vụ cho hoạt động và nâng cao tay nghề kỹ năng làm việc.

Chính sách tuyển dụng

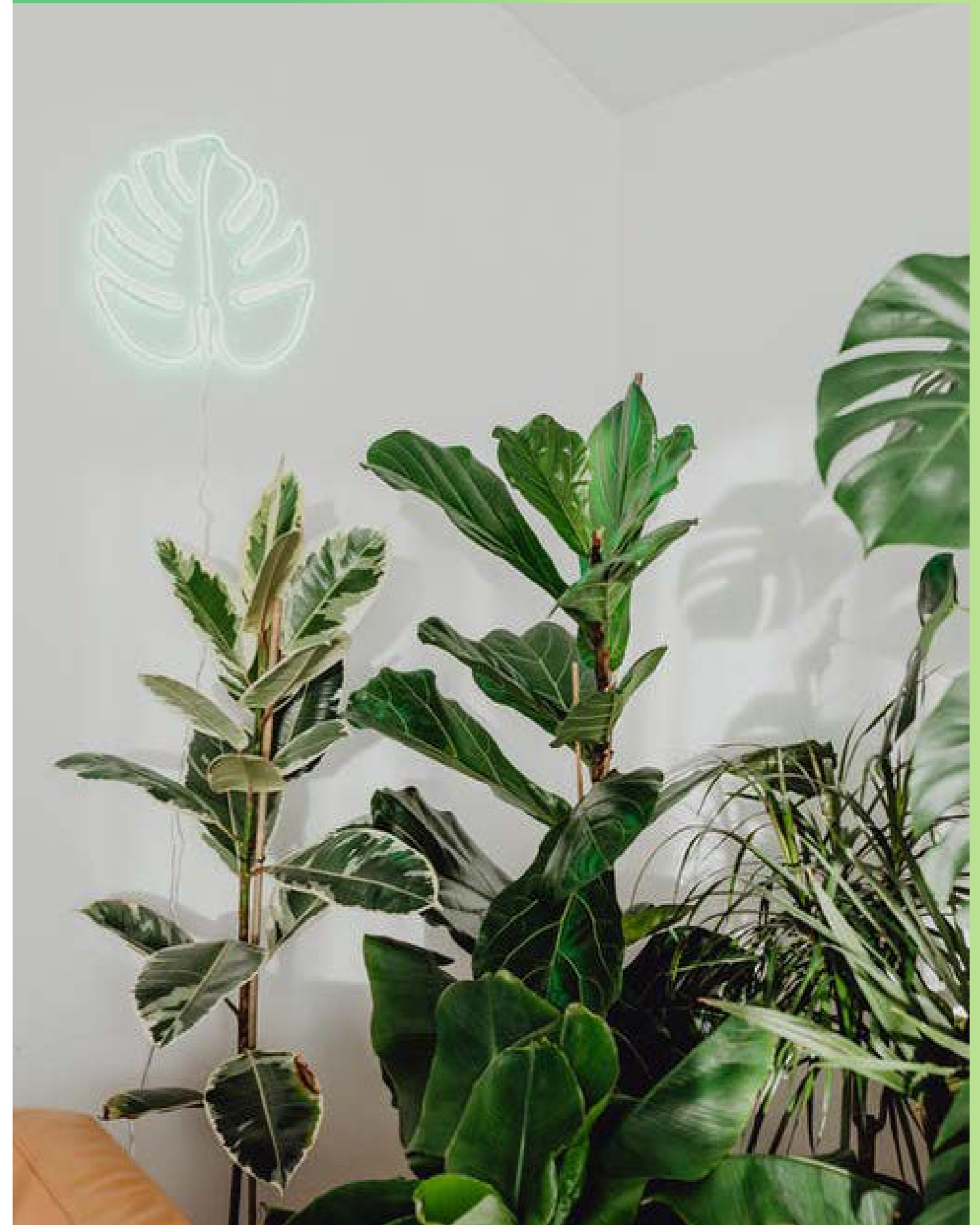
Việc tuyển dụng lao động tại Công ty xuất phát từ nhu cầu công việc thực tế, người lao động được tuyển dụng phải đáp ứng các điều kiện quy định: sức khỏe, trình độ chuyên môn, kỹ năng phù hợp với quy chế tuyển dụng của Công ty. Quy trình tuyển dụng được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.



III

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

-  **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**
-  **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**
-  **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**
-  **CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thông tin chung

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	TH2020	% T ă n g / Giam
Doanh thu thuần	đồng	66.204.694.339	66.614.109.106	0,62%
Giá vốn hàng bán	đồng	55.587.603.916	58.076.605.983	4,48%
Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	1.339.400.360	982.410.763	-26,65%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	đồng	10.102.316.056	9.438.047.240	-6,58%
Lợi nhuận từ HĐKD	đồng	1.854.174.727	58.682.488	-96,84%
Lợi nhuận khác	đồng	-88.450.398	150.375.952	-270,01%
Lợi nhuận trước thuế	đồng	1.765.724.329	209.058.440	-88,16%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	1.367.002.850	142.221.710	-89,60%
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)		255	26	-89,80%

Trong bối cảnh thị trường chung năm 2020 gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid 19 tác động đến các ngành nghề, Công ty đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp, phát huy các lợi thế, khắc phục khó khăn để duy trì hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm qua có sự sụt giảm so với năm 2019, theo đó doanh thu thuần đạt 66.614 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế giảm 89,60% đạt 142.222 tỷ đồng.

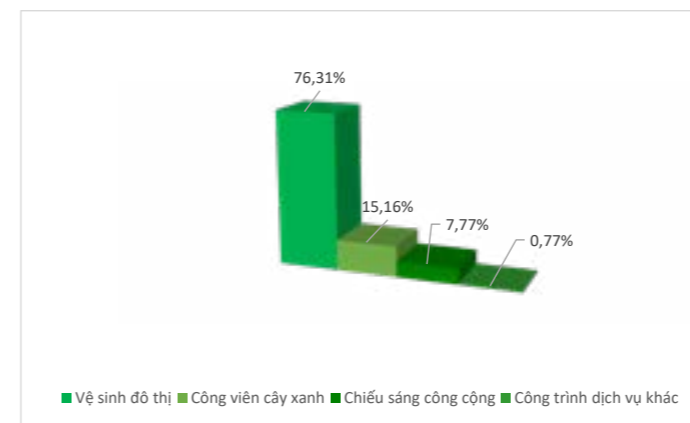
Bên cạnh đó, toàn thể cán bộ công nhân viên luôn duy trì, ý thức lao động được nâng cao, tinh thần làm việc nỗ lực, quyết tâm vượt qua khó khăn, việc làm và thu nhập người lao động cơ bản được ổn định và có bước cải thiện đáng kể, các phong trào thi đua tiếp tục được phát huy, tinh thần quyết tâm vượt qua khó khăn, tự chủ trong kinh doanh có những bước tiến mới là nền tảng góp phần hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm

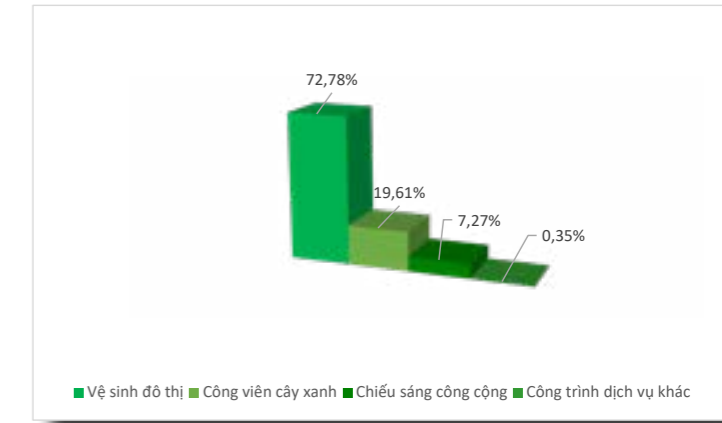
Cơ cấu doanh thu bên dưới cho thấy hoạt động kinh doanh chính hiện nay là dịch vụ công ích đối với lĩnh vực vệ sinh môi trường; duy tu chăm sóc cây xanh; duy tu chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông và một số dịch vụ khác với giá trị nhỏ. Để có thể cung cấp dịch vụ Công ty phải tham gia đấu thầu, hình thức này hiện nay có sự cạnh tranh giá cả rất gay gắt đã và đang tạo ra nhiều khó khăn cho hoạt động của UCT.

ĐVT: Tỷ đồng

Cơ cấu doanh thu Công ty	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Vệ sinh đô thị	50.518	76,31%	48.479	72,78%
Công viên cây xanh	10.034	15,16%	13.063	19,61%
Chiếu sáng công cộng	5.143	7,77%	4.840	7,27%
Công trình dịch vụ khác	509	0,77%	232	0,35%
Tổng doanh thu	66.204	100%	66.614	100%



Năm 2019



Năm 2020

Trong năm 2020, vệ sinh đô thị vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Năm 2020 tăng 13.063 tỷ đồng đạt 76,31%. Ngoại trừ dịch vụ Công viên cây xanh có sự tăng lên thì các hạng mục còn lại đều giảm tương đương nhau. Điều này được lý giải do tình hình cạnh tranh đấu thầu dành quyền cung cấp dịch vụ tại thành phố Cần Thơ vẫn còn tiếp diễn gây nhiều khó khăn trong hoạt động năm vừa qua của Công ty.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Trong năm qua, Công ty không đầu tư mua sắm máy móc thiết bị



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ số tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	5,67	8,31
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4,22	6,2
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	14,42%	9,91%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	16,85%	11,00%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,38	4,47
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,98	1,05
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,06%	0,21%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,39%	0,25%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,01%	0,22%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,80%	0,09%

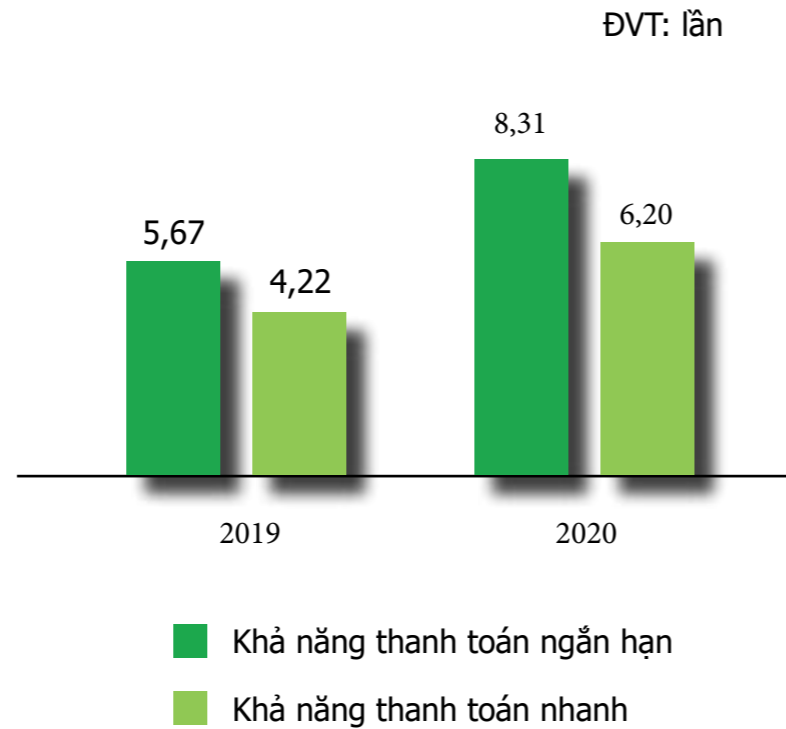




TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

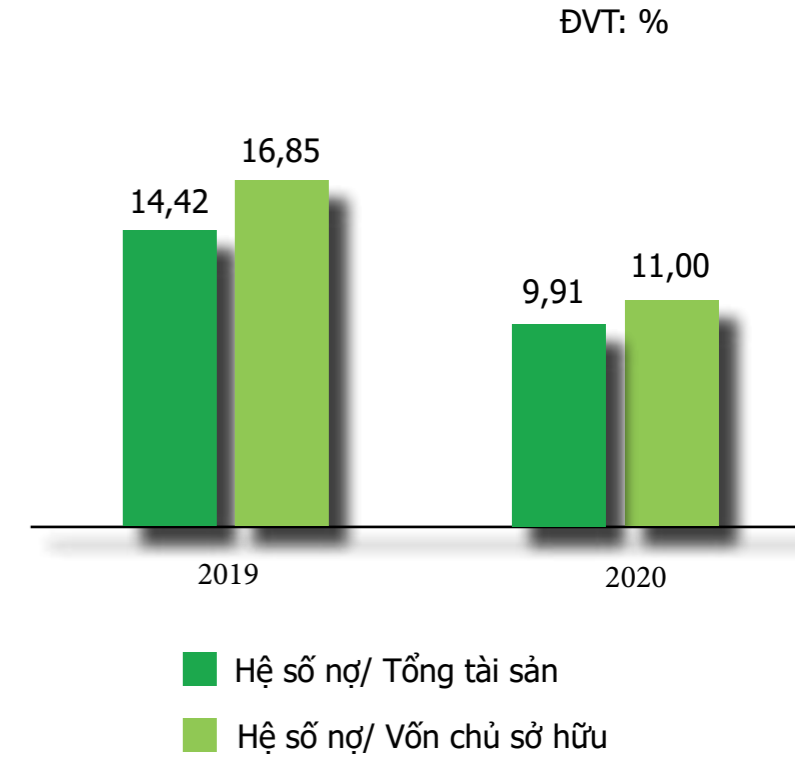
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Nhìn chung, nhóm chỉ số thanh toán của Công ty tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước, trong đó hệ số thanh toán ngắn hạn tăng tới 2,64 lần đạt mức 8,31 và hệ số thanh toán nhanh tăng tới 1,4 lần đạt mức 6,20. Nguyên nhân chính, trong năm qua khoản mục nợ ngắn hạn của Công ty giảm xuống, cụ thể từ hai khoản mục: thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm 447 triệu đồng và quỹ khen thưởng phúc lợi giảm sấp xỉ 387 triệu đồng. Bên cạnh đó, hàng tồn kho trong năm giảm 0,18%, cho thấy Ban lãnh đạo Công ty đã có những chính sách phù hợp, thích ứng kịp thời tình hình dịch bệnh Covid - 19.



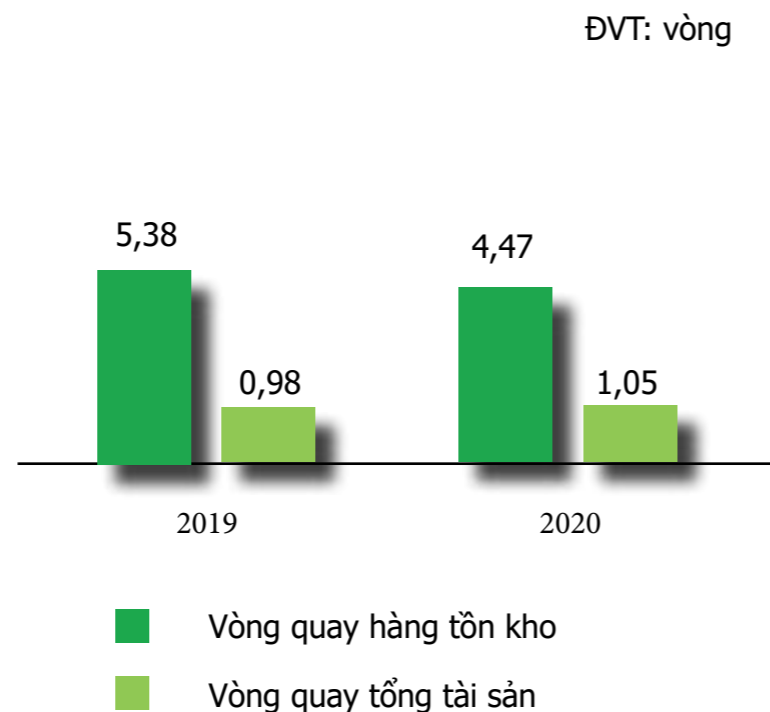
Chỉ tiêu cơ cấu vốn

Trong năm, tình hình hoạt động của Công ty gặp nhiều khó khăn. Kết quả kinh doanh của Công ty có sự suy giảm ở cả khoản mục tài sản và khoản mục nguồn vốn. Cụ thể, khoản mục nợ ngắn hạn giảm và nợ dài hạn không phát sinh. Điều này, đồng nghĩa công ty chịu chi phí lãi vay thấp là 23.184.158 đồng trong năm. Chính vì vậy, hệ số nợ/ tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu năm 2020 tiếp tục giảm và giữ ở mức thấp, tương ứng là 9,91% và 11,00%.



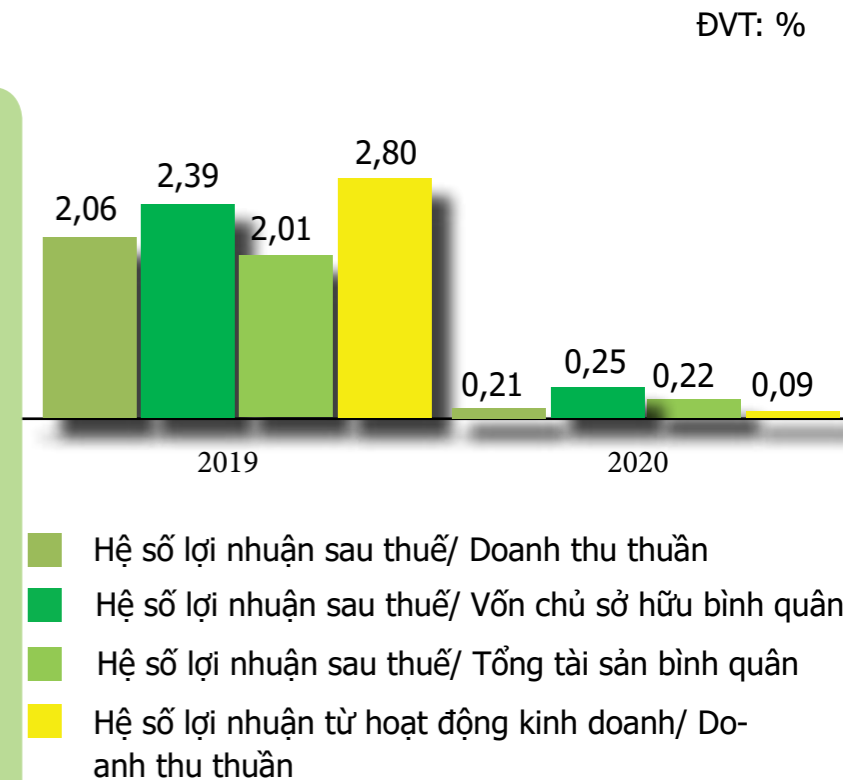
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty có sự thay đổi so với năm 2019 khi vòng quay hàng tồn kho giảm từ 5,38 vòng xuống còn 4,47 vòng, do hoạt động trong năm gặp nhiều khó khăn dưới ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid - 19. Vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ từ 0,98 vòng lên 1,05 vòng cho thấy công ty đang tạo ra nhiều doanh thu trên mỗi đơn vị giá trị tài sản. Khi vắc-xin covid-19 được chế tạo và tình hình dịch bệnh được kiểm soát, năng lực hoạt động của Công ty sẽ tăng trưởng trở lại.



Khả năng sinh lời

Kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2020 được thể hiện rõ nét qua nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời của UCT. Lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm mạnh dẫn đến tất cả các chỉ số khả năng sinh lời của Doanh nghiệp đều sụt giảm rất đáng kể so với năm trước. Cụ thể, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đã giảm từ 2,39% (năm 2019) xuống còn 0,25% năm 2020; chỉ số (ROA) cũng giảm từ 2,01% (năm 2019) xuống còn 0,22% (năm 2020). Nguyên nhân là do hoạt động của Công ty có tính đặc thù, hoạt động kinh doanh chính hiện nay là dịch vụ công ích đối với lĩnh vực vệ sinh môi trường, duy tu chăm sóc cây xanh, duy tu chiếu sáng công cộng, thực hiện theo hình thức đấu thầu có sự cạnh tranh giảm giá, lợi nhuận thu về không cao.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng cổ phần: 5.424.900 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng

Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông

Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2020

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	165	2.658.201	49,00%
	Cổ đông tổ chức	-	-	-
	Cổ đông cá nhân	165	2.658.201	49,00%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	Cổ đông tổ chức	-	-	-
	Cổ đông cá nhân	-	-	-
III	Cổ đông nhà nước	1	2.766.699	51,00%
	Tổng cộng	166	5.424.900	100%

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Ủy ban nhân dân Tp Cần Thơ	2.766.699	51,00%
2	Trịnh Quang Tiến	2.244.501	41,37%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2020, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có



IV

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH**



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



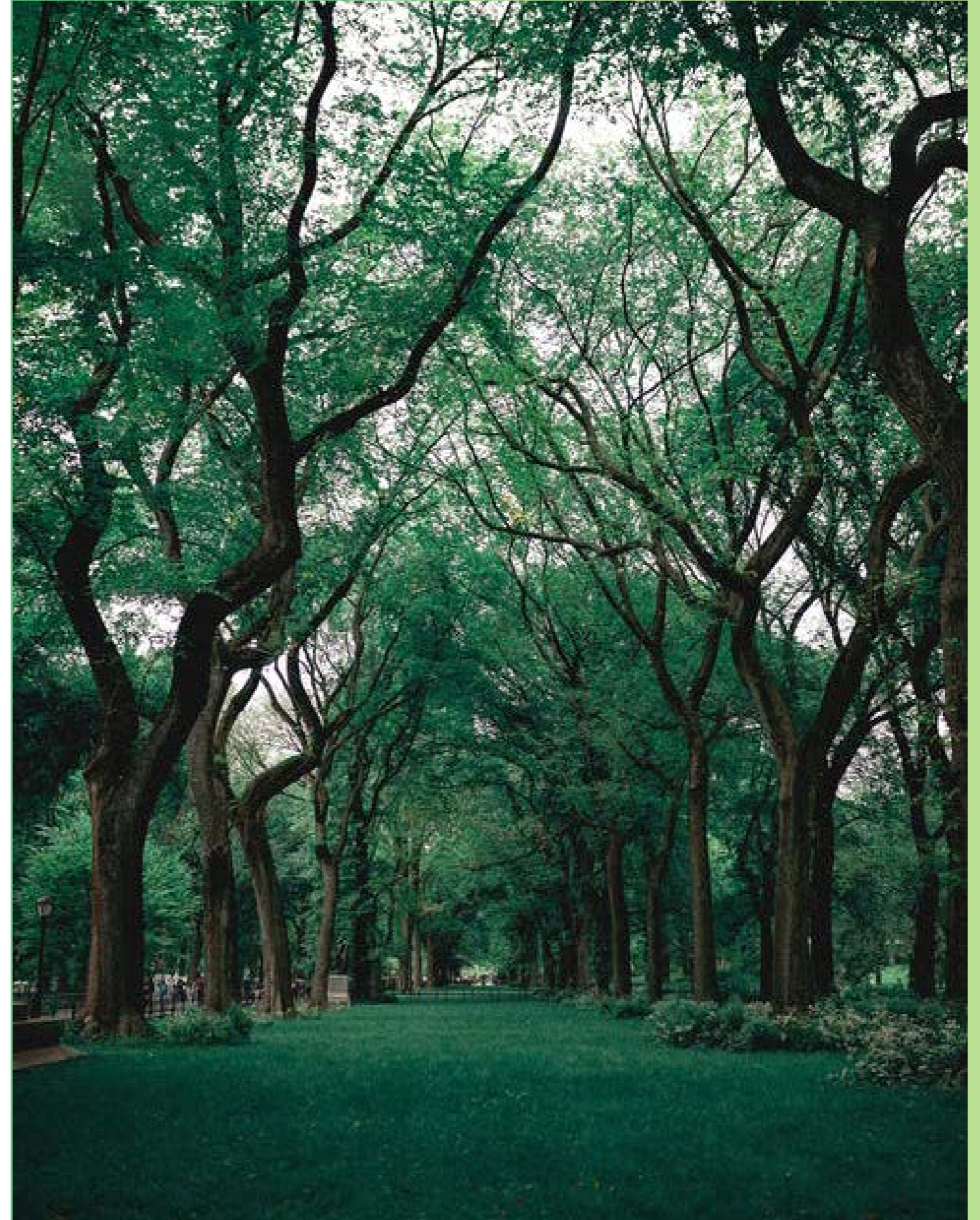
**NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC
CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ**



**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG
LAI**



**GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI
VỚI KIỂM TOÁN**





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	TH 2020	KH 2020	%TH /KH 2020
Doanh thu thuần	66.614.109.106	65.000.000.000	102,48%
Trong đó:			
+Vệ sinh đô thị	48.479.000.000	48.000.000.000	101,00%
+Công viên cây xanh	13.063.000.000	12.000.000.000	108,86%
+Chiếu sáng công cộng	4.840.000.000	4.500.000.000	107,56%
+Công trình, Dịch vụ khác	232.000.000	500.000.000	46,36 %
Vốn điều lệ	54.249.000.000	54.249.000.000	100%
Lợi nhuận sau thuế	142.221.710	1.056.000.000	13,47%
Tỷ lệ LNST/DTT	1,62%		
Tỷ lệ LNST/VDL	1,95%		

Hoạt động SXKD năm 2020 tuy có nhiều thuận lợi, khó khăn thách thức đan xen nhưng Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của lãnh đạo cấp trên, sự đoàn kết thống nhất trong Ban lãnh đạo, người lao động, các cổ đông. Đó là nguồn động lực chính khích lệ tinh thần Ban Giám đốc Công ty để Ban Giám đốc thực hiện tốt vai trò trách nhiệm trong quản lý điều hành hoạt động SXKD đảm bảo các khối lượng công việc đạt chất lượng, hiệu quả theo yêu cầu của chủ đầu tư, nghị quyết HĐQT, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, bảo toàn nguồn vốn, duy trì việc làm, mức thu nhập cho NLĐ, lãi cổ tức cho cổ đông, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước, các chế độ chính sách cho NLĐ đúng luật định.

Trong năm qua, Ban Giám đốc đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp, phát huy các lợi thế, khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ do ĐHĐCĐ đề ra. Doanh thu thuần năm 2020 là 66.614.109.106 đồng và đạt tỷ lệ 102,48% vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra. Mặc dù vậy, do giá vốn hàng bán là giá vốn dịch vụ đã cung cấp (nhân công, xăng dầu và nguyên vật liệu,..) có nhiều biến động so với năm 2019 nên lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 142.221.710 đồng không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: đồng

Tiêu chí	2019	2020	%Tăng/giảm
Tài sản	65.264.664.664	62.114.218.177	-4,83%
Tài sản ngắn hạn	51.102.682.634	51.119.631.191	0,03%
Tài sản dài hạn	14.161.982.030	10.994.586.986	-22,37%
Nguồn vốn	65.264.664.664	62.114.218.177	-4,83%
Nợ ngắn hạn	9.020.128.469	6.153.240.732	-31,78%
Nợ dài hạn	390.000.000	0	
Vốn chủ sở hữu	55.854.536.195	55.960.977.445	0,19%

Năm 2020, Tổng tài sản của Công ty tiếp tục có sự biến động khi đã giảm 4,83% so với năm trước đạt mức 62,114 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn tăng nhẹ 0,03% đạt 51,119 tỷ đồng và tài sản dài hạn giảm mạnh 22,37% đạt 10,994 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do tài sản cố định đến kì khấu hao làm cho tài sản dài hạn giảm xuống, nguyên nhân này gián tiếp làm cho tổng tài sản giảm và nguyên nhân dẫn đến từ việc chi trả phân phối lợi nhuận bằng tiền mặt cho các cổ đông.

Nợ phải trả của Công ty đã giảm xuống đáng kể trong năm 2020 ở mức 6,153 tỷ đồng giảm 31,78% so với năm 2020. Hai khoản mục giảm mạnh là quỹ khen thưởng phúc lợi giảm còn 129 triệu đồng và khoản mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm còn 649 triệu đồng.

Nợ dài hạn trong năm qua không có phát sinh do Công ty không đầu tư tiền cho quỹ phát triển khoa học công nghệ.

Tỷ trọng vốn chủ sở hữu tăng nhẹ trong cơ cấu nguồn vốn. Công ty đang thận trọng hơn trong việc sử dụng đòn bẩy tài chính, hạn chế nợ vay.





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm qua Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Giám đốc

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục thực hiện kế hoạch thanh quyết toán các gói thầu đang thực hiện, liên hệ thu hồi nợ các năm trước từ các Chủ đầu tư và khách hàng chưa thanh toán cho Công ty, nhằm thực hiện đạt kế hoạch kinh doanh năm 2021.
- Do vẫn còn nhiều khó khăn trong chính sách liên quan đến phí cung cấp dịch vụ và tình hình cạnh tranh tại địa bàn hoạt động vẫn còn gay gắt, năm 2021 Công ty đặt mục tiêu cố gắng hoàn thành kế hoạch thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế năm 2021:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ%2021/2020
Doanh thu thuần	66.614.109.106	71.000.000.000	107%
Vốn điều lệ	54.149.000.000	54.249.000.000	100%
Lợi nhuận sau thuế	142.221.710	320.000.000	225%
Tỷ lệ LNST/DTT	0,21%	0,45%	-
Tỷ lệ LNST/VDL	0,26%	0,59%	-

Các công tác trọng tâm

- Tập trung tổ chức thực hiện tốt các gói thầu gia hạn thời gian thực hiện trong khi chờ đấu thầu, thực hiện thu và quản lý tiền dịch vụ thu, gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn Công ty thi công và công tác vận hành xử lý chôn lấp rác thải sinh hoạt tại Bãi rác Đông Thăng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.
- Chăm lo đời sống cho CB-CNVLĐ trong dịp Tết Nguyên đán năm 2021. Chi thưởng, Tết cho CB-CNV Công ty, chăm lo gia đình chính sách, cán bộ lão thành cách mạng, CB-CNV đã nghỉ hưu và các trường hợp khác theo điều kiện của Công ty.
- Chỉ đạo các Đội thi công tổ chức thực hiện tốt các gói thầu, phấn đấu thực hiện thu và quản lý tiền dịch vụ thu, gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn Công ty thi công đạt kế hoạch.
- Xây dựng và triển khai thực hiện phương án khoán trọn gói cho các Đội thi công.
- Ngoài các lĩnh vực đang hoạt động, chủ động khảo sát, xây dựng nghiên cứu mở thêm các ngành nghề khác để tăng doanh thu, có lợi nhuận và tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động.
- Thực hiện tốt một số công tác phục vụ các ngày lễ, kỷ niệm, sự kiện, ngày hội,...của thành phố trong năm 2021 theo kế hoạch của Chủ đầu tư và Công ty.
- Nghiên cứu, xây dựng và kêu gọi đầu tư dự án hoa viên tiên cảnh gồm địa táng và hỏa táng; Đầu tư bãi xử lý phân rút hầm cầu để khai thác xe hút hầm cầu, rác xây dựng và bùn đất...
- Liên hệ khách hàng ký các hợp đồng dịch vụ năm 2021; Tập trung mọi nguồn lực tham dự đấu thầu dịch vụ công ích công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng và các dịch vụ liên quan công cộng năm 2021.
- Tổ chức Hội nghị đại biểu người lao động năm 2021; Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

Các biện pháp cụ thể thực hiện kế hoạch

- Kiện toàn ổn định cơ cấu bộ máy theo mô hình năng động, hiệu quả để thích ứng hoạt động của Công ty cổ phần và Luật doanh nghiệp mới. Phát triển nguồn lực đủ về chất và lượng, có trình độ năng lực quản lý kinh tế, lao động có tay nghề.
- Sửa đổi, điều chỉnh các nội quy, quy chế, quy trình hoạt động, đơn giá dịch vụ,... phù hợp hoạt động Công ty Cổ phần.
- Tăng cường xây dựng phát triển công tác phối hợp với Chủ đầu tư, địa phương trong công tác vệ sinh đô thị thông qua quy chế phối hợp. Phối hợp với Chủ đầu tư, Sở, ngành Thành phố hoàn thành công tác phục vụ lễ, hội của Thành phố.
- Đẩy mạnh công tác quan hệ đối tác, khách hàng, tìm kiếm công trình.
- Xây dựng quy trình thu gom rác thải bằng cơ giới hóa, theo hướng hạn chế điểm tập kết rác thải trên các tuyến đường.
- Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực cạnh tranh, phát triển thương hiệu Công ty.
- Tăng cường công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động giảm thiểu tối đa tai nạn lao động và tai nạn giao thông.









GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, Công ty kiểm toán độc lập đã có ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo này; vì vậy, Ban Giám đốc không có ý kiến thêm.



V

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

-  ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
-  ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC
-  CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
-  CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Các hoạt động trọng tâm liên quan đến các dịch vụ mà Công ty cung cấp đã được Ban Điều hành triển khai thực hiện tốt. Kết quả hoạt động kinh doanh 2020 cao hơn năm trước, Công ty cũng đã hoàn thành được mục tiêu đề ra, qua đó góp phần nâng cao thu nhập bình quân của người lao động.
- Hiện nay, Công ty một mặt vừa phải chú trọng cải tiến công tác quản lý, một mặt vừa phải ổn định hoạt động kinh doanh để phù hợp với định hướng chiến lược phát triển trong tương lai. Do đó, cần phải có thời gian để hoạt động kinh doanh của UCT đi vào ổn định sau khó khăn. Phân khúc thị trường trong các lĩnh vực mà Công ty đang tham gia khá hẹp, lại gặp nhiều sự cạnh tranh từ các đối thủ, Công ty thường phải giảm giá thầu để giữ vững thị phần nên lợi nhuận bị ảnh hưởng. Đây chính là những khó khăn mà UCT đang gặp phải, trong thời gian tới Hội đồng quản trị sẽ phải phối hợp hơn nữa với Ban Điều hành để định hướng chỉ đạo, giám sát thực hiện các công tác hoạt động trọng tâm nhằm khắc phục những khó khăn trên để có thể hoàn thành tốt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- HĐQT thường xuyên thực hiện chức năng giám sát đối với Giám đốc thông qua việc kiểm tra thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các báo cáo của Ban Giám đốc đã hoàn thành và thực hiện đúng quy định.
- Ban Giám đốc đã nỗ lực hết mình trong việc hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông mà Hội đồng quản trị giao phó. Hội đồng quản trị đánh giá cao những nỗ lực và quyết tâm của tất cả các thành viên trong việc điều hành Công ty.
- Nhìn lại một năm qua, kết quả hoạt động là bằng chứng rõ rệt và xứng đáng cho những cống hiến mà Ban Giám đốc dành cho Công ty trong suốt thời gian qua. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng trong thời gian tới, với việc duy trì và phát triển các chính sách quản lý hiệu quả Công ty sẽ tiếp tục có nhiều thành công.



CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tuân thủ thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp và thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ, Quy chế của Công ty.
- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Tăng cường công tác quản lý chặt chẽ kiểm tra, tổ chức thi công khoa học hợp lý; xây dựng định mức lao động tiên tiến, cơ chế khoán công việc, khoán chi phí.
- Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các công trình trọng tâm như: Quản lý, chăm sóc cây xanh, thảm cỏ đường phố và cơ quan; Quản lý, duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị; thu gom rác thải và khối lượng quét, thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn TP Cần Thơ năm 2021; đảm bảo chất lượng dịch vụ theo hợp đồng đã ký với chủ đầu tư,
- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự để bảo vệ quyền lợi của các cổ đông, người lao động, phấn đấu lợi nhuận thực hiện cao hơn kế hoạch đã đề ra nhằm đáp lại sự tin tưởng của các cổ đông và đóng góp cho ngân sách nhà nước cũng như chi trả cổ tức cho các cổ đông.
- Đẩy mạnh đầu tư và cải tiến, đổi mới thiết bị, phương tiện làm việc, nhằm góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tìm kiếm đối tác, thị trường cung ứng sản phẩm dịch vụ ra bên ngoài, Chủ động nắm bắt thông tin và tham gia đấu thầu thi công các công trình thuộc những lĩnh vực mà công ty có nhiều kinh nghiệm, tiềm năng; chào giá hợp lý để thực hiện ký kết các hợp đồng, đảm bảo việc làm và ổn định thu nhập ổn định cho người lao động.
- Tăng cường công tác trao đổi, hợp tác, học tập, kinh nghiệm quản lý từ các Công ty cùng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh.



VI

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



MỤC TIÊU HÀNH ĐỘNG





MỤC TIÊU

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Công ty luôn sử dụng nguồn nguyên vật liệu đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo về số lượng và chất lượng đã được đề ra như sau:



Công ty đã và đang làm tốt công tác quản lý hệ thống chiếu sáng của Thành phố Cần Thơ. Toàn bộ số lượng đèn chiếu sáng được hoạt động theo cơ chế tắt mở tự động. Thời gian bật - tắt hệ thống chiếu sáng sẽ được điều chỉnh tùy theo mùa trong năm cho phù hợp độ sáng của hệ thống đường giao thông, có kế hoạch tiết giảm hợp lý theo từng khu vực và thời gian, đảm bảo an toàn. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên kiểm tra và thay các thiết bị điện cũ kỹ, cải tiến hệ thống chiếu sáng. Việc làm này đã giúp tiết kiệm được lượng điện năng tiêu thụ.



Công ty nhận thức được rằng nguồn nước là tài nguyên vô giá nhưng không phải vô tận, vì vậy mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp phải biết sử dụng hợp lý nhằm bảo vệ nguồn nước không bị cạn kiệt và còn giúp bảo vệ môi trường.

Trong năm 2020, lượng nước tiêu thụ tại Công ty luôn được kiểm soát khá chặt chẽ, sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước.

Lĩnh vực hoạt động liên quan đến môi trường là lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty, vì thế công ty luôn đặt mục tiêu bảo vệ môi trường lên hàng đầu, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường. Không chỉ vậy, Công ty chủ trương phối hợp với ban lãnh đạo và người dân trong địa bàn Tỉnh và Thành phố tập trung thực hiện công tác tuyên truyền, phân loại, thu gom và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt bằng nhiều phương pháp thích hợp; hạn chế tối đa chất thải chôn lấp, chấm dứt nạn vứt rác, xả thải trực tiếp xuống kênh rạch. Ngoài ra, Công ty cùng thường xuyên tổ chức các buổi dọn rác ở các nơi công cộng trong toàn thể nhân viên không kể nhân viên văn phòng, không vi phạm các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường.





MỤC TIÊU

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trên cơ sở nhận định những thuận lợi và khó khăn trong năm 2021 ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, đồng thời xác định yếu tố nội lực về tài chính, nguồn nhân lực của Công ty cũng như xét đến các công việc mà Công ty triển khai thi công trong năm 2021. Hội đồng quản trị xác định nhiệm vụ trong năm 2021.

Chiến lược phát triển bền vững của Công ty hướng đến là đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan và hài hòa cả 3 mục đích: Một, tối ưu kinh tế để tăng trưởng một cách hiệu quả và bền vững; Hai, có trách nhiệm với xã hội; Ba, bảo vệ môi trường.

Về kinh tế

Công ty Cổ phần đô thị Cần Thơ tập trung phát triển các dự án đô thị tại địa phương mang lại giá trị cảnh quan nhằm thu hút khách du lịch đến tham quan mang lại ngân sách cho địa phương. Việc đầu tư thực hiện các dự án của Công ty ngoài việc thay đổi diện mạo mới cho du lịch Cần Thơ còn góp phần thu hút làn sóng đầu tư, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo công ăn việc làm cho cư dân địa phương.

Về xã hội và cộng đồng

Xây dựng môi trường làm việc năng động, thoải mái giúp người lao động phát huy hết năng lực cá nhân, gắn bó và cống hiến cho công ty. Xây dựng chính sách thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, chính sách đào tạo, chăm lo tinh thần cho người lao động hiệu quả để người lao động luôn là người đồng hành cùng quá trình phát triển của Công ty.

Trách nhiệm với cộng đồng và địa phương, chú trọng các hoạt động đầu tư phát triển cộng đồng và hỗ trợ tài chính phục vụ cộng đồng.



Về môi trường

Công ty Cổ phần đô thị Cần Thơ luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững cho môi trường, xã hội và cộng đồng song song với những mục tiêu phát triển kinh tế tại bất cứ dự án nào mà UCT đầu tư và triển khai thực. Dân số đô thị ở Việt Nam đang gia tăng với tốc độ thuộc nhóm nhanh nhất ở Châu Á, được tiếp sức bởi một nền kinh tế đang mở rộng dựa chủ yếu vào công nghiệp hóa. Nhận thức được nguy cơ ngày càng tăng đối với sức khỏe người dân và môi trường, Công ty thực hiện các dự án trên địa bàn đều được thực hiện với tiêu chí hài hòa với thiên nhiên và môi trường, tôn trọng và nâng tầm cảnh quan khu vực, thể hiện sự ý thức trong việc giữ gìn và bảo vệ môi trường.

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực đô thị (dịch vụ công ích), hơn ai hết UCT nhận thức được vấn đề bảo vệ môi trường là cấp bách. Vì thế, UCT không ngừng nỗ lực cải thiện chất lượng dịch vụ nhằm đưa ra những giải pháp kịp thời và đảm bảo các tiêu chí do nhà nước đề ra. Góp phần xây dựng môi trường xanh-sạch-đẹp tạo nên môi trường sống trong lành, thân thiện cho cộng đồng xã hội.



VII

QUẢN TRỊ CÔNG TY



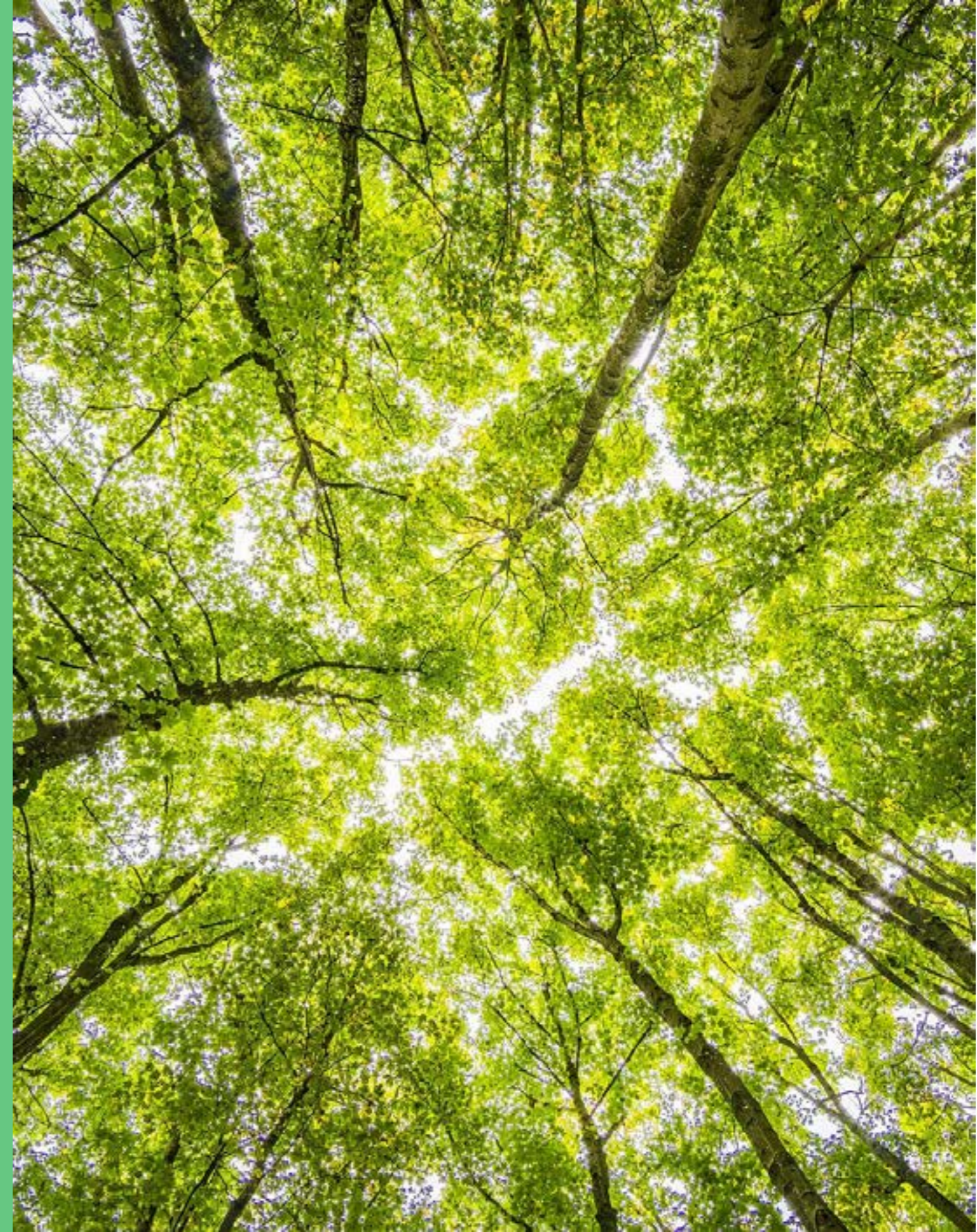
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BAN KIỂM SOÁT



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN
LỢI ÍCH





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lưu Việt Chiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm 26/06/2015
2	Trần Thanh Phong	Thành viên Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm 26/06/2015
3	Lê Thanh Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm 26/06/2015
4	Võ Văn Được	Thành viên Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm 26/06/2015
5	Nguyễn Phúc Như	Thành viên Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm 26/06/2015

Các cuộc họp HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	ông Lưu Việt Chiến	13/13	100%	
2	Ông Trần Thanh Phong	13/13	100%	-
3	Ông Lê Thanh Hiếu	13/13	100%	-
4	ông Nguyễn Phúc Như	13/13	100%	-
5	Ông Võ Văn Được	13/13	100%	-

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Nhìn lại một năm hoạt động, Ban Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra để đảm bảo kế hoạch kinh doanh của Công ty đạt kỳ vọng. Mặc dù gặp một số khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh kéo dài, khối lượng công việc và doanh thu của năm còn khá khiêm tốn, tuy nhiên các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT đều được Ban Giám đốc triển khai đúng đắn và phù hợp với tình hình thực tế. HĐQT cho rằng Ban Giám đốc đã hoạt động đúng chức năng và nhiệm vụ của mình và đã cùng với toàn bộ cán bộ - công nhân lao động mang lại kết quả kinh doanh bền vững trong những năm qua.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị không có

Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị

Nghị quyết

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	16/3/2020	Về việc thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.
2	02/NQ-HĐQT	12/6/2020	Về việc tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
3	05/NQ-HĐQT	9/9/2020	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ
4	06/NQ-HĐQT	9/9/2020	Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ
5	07/NQ-HĐQT	9/9/2020	Về việc bổ nhiệm Người công bố thông tin Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quyết định

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/QĐ-HĐQT	10/01/2020	Về việc thành lập Đội MTĐT Cái Răng trực thuộc Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.	100%
2	02/QĐ-HĐQT	10/01/2020	Về việc thành lập Đội CVCX Vĩnh Thạnh trực thuộc Công ty.	100%
3	03/QĐ-HĐQT	13/01/2020	Về việc bổ nhiệm Đội trưởng Đội MTĐT Cái Răng.	100%
4	04/QĐ-HĐQT	13/01/2020	Về việc phân công cán bộ phụ trách quản lý Đội CVCX Vĩnh Thạnh.	100%
5	05/QĐ-HĐQT	5/3/2020	Về việc tặng nhà tình thương cho ông Lê Hữu Phước, công đoàn viên công tác tại Đội MTĐT Thốt Nốt thuộc Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.	100%
6	06/QĐ-HĐQT	16/3/2020	Về việc thành lập Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.	100%
7	07/QĐ-HĐQT	16/3/2020	Về việc thành lập Ban Thư ký Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.	100%
8	08/QĐ-HĐQT	23/3/2020	Về việc thành lập Ban chỉ đạo của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ về phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virút corona gây ra.	100%
9	09/QĐ-HĐQT	19/6/2020	Về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.	100%
10	10/QĐ-HĐQT	20/8/2020	Về việc điều động, bổ nhiệm chức danh Phó phòng, phòng Dịch vụ đô thị	100%
11	11/QĐ-HĐQT	20/8/2020	Về việc điều động, bổ nhiệm chức danh Phó phòng, phòng Kỹ thuật vật tư.	100%
12	12/QĐ-HĐQT	20/8/2020	Về việc điều động, bổ nhiệm Đội trưởng Đội Công viên cây xanh và Đội Cây xanh Vĩnh Thạnh	100%
13	13/QĐ-HĐQT	24/8/2020	Về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện công tác chuyển đổi thu gom rác bằng xe cơ giới	100%
14	14/QĐ-HĐQT	25/8/2020	Về việc thành lập Tổ công tác phục vụ Đại hội Đảng bộ thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 - 2025.	100%





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quyết định

STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
15	15/QĐ-HĐQT	12/10/2020	Về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty	100%
16	16/QĐ-HĐQT	12/10/2020	Về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty	100%
17	17/QĐ-HĐQT	15/10/2020	Về việc mua lại cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ	100%
18	18/QĐ-HĐQT	15/10/2020	Về việc thông qua phương án mua lại Cổ phiếu UCT	100%
19	19/QĐ-HĐQT	15/10/2020	Về việc chỉ định đơn vị thực hiện giao dịch mua cổ phiếu quỹ UCT	100%
20	20/QĐ-HĐQT	15/10/2020	Về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 20/QĐ-HĐQT ngày 21 tháng 12 năm 2018 và Điều 1 Quyết định số 01A/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ.	100%
21	21/QĐ-HĐQT	26/10/2020	Về việc phê duyệt Đề cương khảo sát địa chất công trình. Công trình: Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ; Hạng mục: Kho, xưởng sửa chữa các đội trực thuộc; Địa điểm thực hiện: tại số 396 Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.	100%
22	22/QĐ-HĐQT	2/11/2020	Về việc chỉ định đơn vị thực hiện công tác khảo sát địa chất công trình	100%
23	23/QĐ-HĐQT	2/11/2020	Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ.	100%

STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
24	24/QĐ-HĐQT	10/11/2020	Về việc áp dụng hóa đơn điện tử	100%
25	25/QĐ-HĐQT	18/11/2020	Về việc thành lập Ban chỉ đạo và các Tiểu ban phục vụ tổ chức Lễ kỷ niệm 25 năm thành lập Hiệp hội Môi trường Đô thị & Khu công nghiệp Việt Nam, Hội nghị Môi trường đô thị và Khu công nghiệp khu vực miền Nam tại thành phố Cần Thơ.	100%
26	26/QĐ-HĐQT	27/11/2020	Về việc điều chỉnh tên gọi, chức năng nhiệm vụ phòng Kế hoạch kinh doanh thành phòng Kế hoạch tổng hợp thuộc Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ	100%
27	27/QĐ-HĐQT	27/11/2020	Về việc điều chỉnh tên gọi, chức năng nhiệm vụ phòng Dịch vụ đô thị thành phòng Kinh doanh dịch vụ thuộc Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ	100%
28	28/QĐ-HĐQT	27/11/2020	Về việc thành lập Đội Môi trường đô thị Ninh Kiều - Cái Răng trực thuộc Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ	100%
29	29/QĐ-HĐQT	27/11/2020	về việc thành lập Đội Môi trường đô thị Ô Môn - Thới Lai - Thốt Nốt trực thuộc Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ	100%
30	30/QĐ-HĐQT	27/11/2020	Về việc điều chỉnh tên gọi, chức năng nhiệm vụ Đội Điều vận và sửa chữa phương tiện thành Đội Sửa chữa phương tiện trực thuộc Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.	100%
31	31/QĐ-HĐQT	27/11/2020	Về việc thành lập Đội Công viên - Cây xanh trực thuộc Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ.	100%
32	32/QĐ-HĐQT	30/11/2020	Về việc Điều động bổ nhiệm phó phòng Kinh doanh - Dịch vụ	100%
33	33/QĐ-HĐQT	30/11/2020	Về việc bổ nhiệm Đội trưởng Đội MTĐT Ninh Kiều - Cái Răng	100%
34	34/QĐ-HĐQT	30/11/2020	Về việc bổ nhiệm Đội phó Đội MTĐT Ninh Kiều - Cái Răng (Lý Sang)	100%





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quyết định

STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
35	35/QĐ-HĐQT	30/11/2020	Về việc bổ nhiệm Đội phó Đội MTĐT Ninh Kiều - Cái Răng (Lý Văn Út)	100%
36	36/QĐ-HĐQT	30/11/2020	Về việc bổ nhiệm Đội phó Đội MTĐT Ninh Kiều - Cái Răng (Nguyễn Văn Lượm)	100%
37	37/QĐ-HĐQT	30/11/2020	Về việc Điều động bổ nhiệm Đội trưởng Đội MTĐT Ô Môn - Thới Lai - Thốt Nốt (Nguyễn Phương Bắc)	100%
38	38/QĐ-HĐQT	30/11/2020	Về việc Điều động bổ nhiệm Đội phó Đội MTĐT Ô Môn - Thới Lai - Thốt Nốt (Nguyễn Anh Chương)	100%
39	39/QĐ-HĐQT	30/11/2020	Về việc Điều động bổ nhiệm Đội phó Đội MTĐT Ô Môn - Thới Lai - Thốt Nốt (Nguyễn Minh Hiền)	100%
40	40/QĐ-HĐQT	30/11/2020	Về việc bổ nhiệm Đội trưởng Đội Công viên - Cây xanh	100%
41	41/QĐ-HĐQT	30/11/2020	Về việc bổ nhiệm Đội trưởng Đội Sửa chữa phương tiện.	100%





BAN KIỂM SOÁT

Danh sách BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đặng Minh Khiết	Trưởng Ban kiểm soát	
2	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên Ban kiểm soát	
3	Nguyễn Thị Thúy Vy	Thành viên Ban kiểm soát	

Các cuộc họp BKS/Ủy ban Kiểm toán

STT	Thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đặng Minh Khiết	04	100%	100%	-
2	Ông Nguyễn Quốc Cường	04	100%	100%	-
3	Bà Nguyễn Thị Thúy Vy	04	100%	100%	-

Hoạt động giám sát của BKS/Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và Cổ đông

Trong năm, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp, các thành viên đều tham dự đầy đủ, cùng thảo luận và trao đổi thông tin và thống nhất các nội dung:

Việc hợp đồng thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 với Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kiểm toán Nam Việt.

- Việc thay đổi cơ cấu vốn sau khi thực hiện thoái vốn Nhà nước theo Quyết định của UBND thành phố Cần Thơ.

- Giám sát tình hình kiểm kê tài sản tại thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2019.

- Tham gia đóng góp chương trình, kế hoạch, thực hiện tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.

- Tham gia cùng Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc làm việc với các đơn vị trực thuộc.

- Đóng góp dự thảo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế Công bố thông tin; Quy chế Chi tiêu nội bộ.

- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019.

- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 9 tháng năm 2020.

- Đóng góp dự thảo Báo cáo sơ kết, tổng kết của Công ty

- Giúp Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc soát xét công tác quản lý cấp phát nhiên liệu, dầu mỡ phụ cho các phương tiện vận chuyển của Công ty và các công tác giám sát thường xuyên khác.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ hợp lý khác

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, các Phòng Ban, Đơn vị trực thuộc;

Giữ được mối liên lạc thường xuyên trong Ban Kiểm soát, giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và với Ban Giám đốc Công ty.

Trưởng ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, được cung cấp thông tin kịp thời để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

Hoạt động của BKS/Ủy ban Kiểm toán không có

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Công ty thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHCĐ



VII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ



BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
đã được kiểm toán

Công Ty
Cổ Phần
Đô Thị
Cần Thơ

Digitally signed by Công Ty
Cổ Phần Đô Thị Cần Thơ
DN:
OID.0.9.2342.19200300.100.
1.1=MST:1800271113,
CN=Công Ty Cổ Phần Đô
Thị Cần Thơ, S=Cần Thơ,
C=VN
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2021-03-23 15:01:06

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84-28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
CN Hà Nội: P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Tel: (84-24) 6281 1281

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 27
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ, hiện nay Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800271113 ngày 03 tháng 7 năm 2015 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích và dân dụng;
- Dịch vụ đô thị.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lưu Việt Chiến	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên
Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Phúc Như	Thành viên
Ông Võ Văn Được	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Phong	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/01/2021
Ông Nguyễn Thạch Em	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Phúc Như	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/10/2020
Ông Trịnh Quang Khánh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/10/2020
Ông Lê Thanh Hiếu	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.



TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 17 tháng 3 năm 2021

TM. Ban Giám đốc

Phó Giám đốc



Nguyễn Thạch Em

Số: 59/2021/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, được lập ngày 17 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần lưu ý

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, phần vốn góp của chủ sở hữu Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ ghi nhận là 54.249.000.000 đồng. Trong đó, phần vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận tăng trong năm 2019 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ là 805.548.564 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa hoàn thành thủ tục đăng ký và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với phần vốn góp của chủ sở hữu đã ghi nhận tăng (805.548.564 đồng) nêu trên. Đồng thời đến thời điểm này, phần vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm vẫn chưa được trung tâm lưu ký chứng khoán lưu ký bổ sung.

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Giám đốc

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Vương

Nguyễn Huy Hoàng

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2018-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4531-2018-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.119.631.191	51.102.682.634
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	11.022.762.663	6.600.545.086
1.	Tiền	111		7.022.762.663	6.600.545.086
2.	Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	13.500.000.000	19.100.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13.500.000.000	19.100.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.588.599.362	12.386.384.249
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	10.613.419.259	8.781.351.530
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	136.891.500	86.901.500
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	3.184.294.372	3.864.136.988
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(346.005.769)	(346.005.769)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	12.989.449.640	13.013.367.919
1.	Hàng tồn kho	141		12.989.449.640	13.013.367.919
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		18.819.526	2.385.380
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	18.819.526	2.385.380
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.994.586.986	14.161.982.030
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trà trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		10.536.474.062	13.702.042.221
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	10.536.474.062	13.702.042.221
	- Nguyên giá	222		65.299.627.915	65.227.948.548
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(54.763.153.853)	(51.525.906.327)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	322.453.634	233.055.464
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		322.453.634	233.055.464
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		135.659.290	226.884.345
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	135.659.290	226.884.345
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		62.114.218.177	65.264.664.664

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

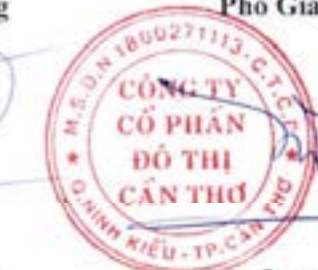
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		6.153.240.732	9.410.128.469
I.	Nợ ngắn hạn	310		6.153.240.732	9.020.128.469
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	3.112.930.952	4.069.972.226
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	136.115.000	216.350.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	649.668.598	1.096.761.877
4.	Phải trả người lao động	314		1.785.371.543	2.536.025.505
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	340.088.721	585.036.943
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		129.065.918	515.981.918
II.	Nợ dài hạn	330		-	390.000.000
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	390.000.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.960.977.445	55.854.536.195
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	55.758.221.560	55.615.999.850
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		54.249.000.000	54.249.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.249.000.000	54.249.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.509.221.560	1.366.999.850
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.366.999.850	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		142.221.710	1.366.999.850
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		202.755.885	238.536.345
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		202.755.885	238.536.345
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		62.114.218.177	65.264.664.664

Cần Thơ, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc



Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Nguyễn Thạch Em



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

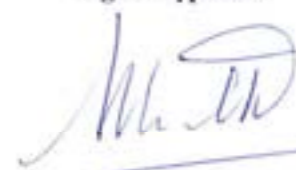
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	66.614.109.106	66.204.694.339
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66.614.109.106	66.204.694.339
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	58.076.605.983	55.587.603.916
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.537.503.123	10.617.090.423
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	982.410.763	1.339.400.360
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	23.184.158	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		23.184.158	-
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	9.438.047.240	10.102.316.056
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58.682.488	1.854.174.727
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	449.316.581	168.136.546
12.	Chi phí khác	32	VI.06	298.940.629	256.589.944
13.	Lợi nhuận khác	40		150.375.952	(88.453.398)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		209.058.440	1.765.721.329
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	66.836.730	398.721.479
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		142.221.710	1.366.999.850
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	26	255
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	26	255

Cần Thơ, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc






Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Nguyễn Thạch Em

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		69.788.531.412	72.519.631.036
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(29.682.457.759)	(35.824.361.932)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(29.166.887.919)	(28.425.161.682)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(23.184.158)	-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(464.162.958)	(953.081.657)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.023.317.069	829.753.815
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(13.622.078.183)	(9.787.875.511)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.146.922.496)	(1.641.095.931)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(161.077.537)	(5.020.932.918)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.500.000.000)	(9.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.100.000.000	13.100.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.130.217.610	941.882.554
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.569.140.073	20.949.636

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.945.337.438	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.945.337.438)	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.603.303.500)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(1.603.303.500)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.422.217.577	(3.223.449.795)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.600.545.086	9.823.994.881
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		11.022.762.663	6.600.545.086

Cần Thơ, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc





Nguyễn Thạch Em

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích và dân dụng;
- Dịch vụ đô thị.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 13 năm
- Máy móc, thiết bị	02 – 03 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	01 – 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:



- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	93.878.624	370.355.947
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.928.884.039	6.230.189.139
- Các khoản tương đương tiền(*)	4.000.000.000	-
Cộng	11.022.762.663	6.600.545.086

(*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Đô và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Cần Thơ. Lãi suất 3.5%/năm.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	13.500.000.000	13.500.000.000	19.100.000.000	19.100.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn(*)	13.500.000.000	13.500.000.000	19.100.000.000	19.100.000.000
Cộng	13.500.000.000	13.500.000.000	19.100.000.000	19.100.000.000

(*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – CN Cần Thơ. Lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,7%/năm.

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	10.613.419.259	8.781.351.530
- Phòng QLĐT quận Ninh Kiều	2.272.590.000	193.080.000
- Phòng QLĐT quận Cái Răng	416.130.746	2.139.043.746
- Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Ninh Kiều	3.309.903.000	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	4.614.795.513	6.449.227.784
Cộng	10.613.419.259	8.781.351.530

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	136.891.500	86.901.500
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	136.891.500	86.901.500
Cộng	136.891.500	86.901.500

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	3.184.294.372	-	3.864.136.988	-
- Tạm ứng	2.116.647.019	-	2.690.847.900	-
- Phải thu khác	1.054.197.353	-	1.173.289.088	-
+ Lãi dự thu	249.710.959	-	397.517.806	-
+ Các khoản phải thu khác	804.486.394	-	775.771.282	-
Cộng	3.184.294.372	-	3.864.136.988	-

06. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ban QLDA Điện nông thôn Hậu Giang	46.568.339	-	46.568.339	-
- Công ty cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 75	104.185.609	-	104.185.609	-
- Các đối tượng khác	195.251.821	-	195.251.821	-
Cộng	346.005.769	-	346.005.769	-

07. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	189.515.927	-	318.831.524	-
- Công cụ, dụng cụ	272.262.534	-	116.865.216	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.527.671.179	-	12.577.671.179	-
Cộng	12.989.449.640	-	13.013.367.919	-

08. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	322.453.634	233.055.464
- Mua sắm	180.000.000	180.000.000
+ Sửa chữa TSCĐ	180.000.000	180.000.000
- Xây dựng cơ bản	142.453.634	53.055.464
+ Sửa chữa, xây dựng kho Đội sửa chữa 396 CMT8	142.453.634	-
+ Thi công nhà xe sau hội trường	-	53.055.464
Cộng	322.453.634	233.055.464



Đơn vị tính: VND

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.119.651.276	2.299.461.727	58.759.125.545	49.710.000	65.227.948.548
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	71.679.367	-	-	-	71.679.367
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.191.330.643	2.299.461.727	58.759.125.545	49.710.000	65.299.627.915
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.943.174.235	1.855.017.279	46.678.004.813	49.710.000	51.525.906.327
- Khấu hao trong năm	193.904.985	133.333.332	2.910.009.209	-	3.237.247.526
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.137.079.220	1.988.350.611	49.588.014.022	49.710.000	54.763.153.853
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	1.176.477.041	444.444.448	12.081.120.732	-	13.702.042.221
2. Tại ngày cuối năm	1.054.251.423	311.111.116	9.171.111.523	-	10.536.474.062

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 37.373.490.807 đồng.

Chi phí trả trước

Dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	135.659.290	226.884.345
Cộng	135.659.290	226.884.345

17

Đơn vị tính: VND

1. Phải trả người bán	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	3.112.930.952	3.112.930.952	4.069.972.226	4.069.972.226
- Công ty TNHH Dịch vụ tổng hợp 99	836.206.194	836.206.194	949.244.295	949.244.295
- Cửa hàng Phụ tùng Ô tô Quang Hưng	225.295.000	225.295.000	408.840.000	408.840.000
- Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Bảo Bảo	243.309.590	243.309.590	597.649.340	597.649.340
- Công ty TNHH Thương mại Phân phối Duy Thanh	248.406.400	248.406.400	454.230.600	454.230.600
- Công ty TNHH Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	254.700.000	254.700.000	481.600.000	481.600.000
- Phải trả các đối tượng khác	1.305.013.768	1.305.013.768	1.178.407.991	1.178.407.991
Cộng	3.112.930.952	3.112.930.952	4.069.972.226	4.069.972.226
2. Người mua trả tiền trước				
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
- Công ty TNHH Cây xanh Công Minh	136.115.000	136.115.000	216.350.000	216.350.000
- Người mua trả tiền trước ngân hàng khác	-	-	200.000.000	200.000.000
Cộng	136.115.000	136.115.000	216.350.000	216.350.000

18



Đơn vị tính: VND

huế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	718.255.175	3.713.490.050	3.782.076.627	-	649.668.598
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	378.506.702	66.836.730	464.162.958	18.819.526	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.385.380	-	42.070.641	39.685.261	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	688.929.057	688.929.057	-	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	2.385.380	1.096.761.877	4.514.326.478	4.977.853.903	18.819.526	649.668.598

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	340.088.721	585.036.943
- Kinh phí công đoàn	37.310.656	33.539.878
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	63.200.000	64.800.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	239.578.065	486.697.065
+ Các đối tượng khác	239.578.065	486.697.065
Cộng	340.088.721	585.036.943

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	53.443.451.436	680.629.176	4.238.272.064	58.362.352.676
Tăng vốn trong năm trước	805.548.564	-	-	805.548.564
Lãi trong năm trước	-	-	1.366.999.850	1.366.999.850
Phân phối lợi nhuận	-	211.913.603	(4.238.272.064)	(4.026.358.461)
Giảm khác	-	(892.542.779)	-	(892.542.779)
Số dư cuối năm trước	54.249.000.000	-	1.366.999.850	55.615.999.850
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	142.221.710	142.221.710
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	54.249.000.000	-	1.509.221.560	55.758.221.560

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Vốn góp của Nhà nước	27.666.990.000	51	27.666.990.000	51
- Các cổ đông khác	26.582.010.000	49	26.582.010.000	49
Cộng	54.249.000.000	100	54.249.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	54.249.000.000	53.443.451.436
+ Vốn góp tăng trong năm	-	805.548.564
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	54.249.000.000	54.249.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.603.303.500

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.424.900	5.424.900
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.424.900	5.424.900
+ Cổ phiếu phổ thông	5.424.900	5.424.900
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.424.900	5.424.900
+ Cổ phiếu phổ thông	5.424.900	5.424.900
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.614.109.106	66.204.694.339
Cộng	66.614.109.106	66.204.694.339

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	58.076.605.983	55.587.603.916
Cộng	58.076.605.983	55.587.603.916

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	982.410.763	1.339.400.360
Cộng	982.410.763	1.339.400.360

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	23.184.158	-
Cộng	23.184.158	-

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	390.000.000	-
- Các khoản khác	59.316.581	168.136.546
Cộng	449.316.581	168.136.546

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Hỗ trợ các hoạt động xã hội	183.000.000	-
- Các khoản bị phạt	18.000.000	2.173.611
- Các khoản khác	97.940.629	254.416.333
Cộng	298.940.629	256.589.944

07. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	9.438.047.240	10.403.362.056
- Chi phí nhân viên quản lý	4.310.957.122	4.320.688.155
- Chi phí đồ dùng văn phòng	90.040.836	91.260.364
- Chi phí khấu hao TSCĐ	147.994.416	227.225.920
- Thuế, phí và lệ phí	378.217.920	448.511.424
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.119.026.777	1.147.994.434
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.391.810.169	4.167.681.759
b. Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(301.046.000)
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác	-	(301.046.000)
Cộng	9.438.047.240	10.102.316.056

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	66.836.730	398.721.479
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	66.836.730	398.721.479



Đơn vị tính: VND

(*): Chi tiết cách xác định chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	209.058.440	1.765.721.329
- Các khoản điều chỉnh tăng	268.346.773	227.886.067
+ Chi phí phạt hành vi phạm hành chính	-	2.173.611
+ Chi phí không được trừ	268.346.773	225.712.456
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	477.405.213	1.993.607.396
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	95.481.043	398.721.479
Thuế TNDN được giảm (*)	28.644.313	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	66.836.730	398.721.479

(*) Giảm 30% số thuế phải nộp theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của chính phủ.

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	142.221.710	1.366.999.850
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	142.221.710	1.366.999.850
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.424.900	5.351.407
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	255

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	142.221.710	1.366.999.850
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	142.221.710	1.366.999.850
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.424.900	5.351.407
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	255

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.359.130.421	12.230.570.281
- Chi phí nhân công	36.346.365.550	33.568.735.923
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.201.467.066	5.520.270.774
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.450.005.303	10.288.905.877
- Chi phí khác bằng tiền	7.107.684.883	9.752.483.117
- Chi phí dự phòng	-	(301.046.000)
Cộng	67.464.653.223	71.059.919.972

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng	1.286.012.000	1.238.400.000
Cộng	1.286.012.000	1.238.400.000

03. Thông tin về bộ phận

- Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.
- Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ đô thị.



	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng			
04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính							
Tài sản tài chính							
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.022.762.663	-	6.600.545.086	-	11.022.762.663	6.600.545.086	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.667.816.612	(346.005.769)	9.954.640.618	(346.005.769)	11.321.810.843	9.608.634.849	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.500.000.000	-	19.100.000.000	-	13.500.000.000	19.100.000.000	
Cộng	36.190.579.275	(346.005.769)	35.655.185.704	(346.005.769)	35.844.573.506	35.309.179.935	
Nợ phải trả tài chính							
Phải trả cho người bán	3.112.930.952	4.069.972.226	4.069.972.226	4.069.972.226	4.069.972.226	4.069.972.226	
Các khoản phải trả khác	239.578.065	486.697.065	486.697.065	486.697.065	486.697.065	486.697.065	
Cộng	3.352.509.017	4.556.669.291	4.556.669.291	4.556.669.291	4.556.669.291	4.556.669.291	

(*) Giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho Ngân hàng vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	3.112.930.952	-	-	3.112.930.952
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	239.578.065	-	-	239.578.065
Cộng	3.352.509.017	-	-	3.352.509.017
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	4.069.972.226	-	-	4.069.972.226
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	486.697.065	-	-	486.697.065
Cộng	4.556.669.291	-	-	4.556.669.291

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giá trị định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Cần Thơ, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Nguyễn Thạch Em



Thành phố Cần Thơ, ngày 13 tháng 04 năm 2021
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LƯU VIỆT CHIẾN

